

2 ĐÚA TRẺ - Thạch Lam

I/Tìm hiểu chung

1.Tác giả

Thạch Lam (1910 - 1942) tên khai sinh là Nguyễn T- ờng Vinh, sau đổi thành Nguyễn T- ờng Lân. Thạch Lam sinh ra ở Hà Nội, khi cha mất việc, ông về sống ở huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải D- ơng. Tuổi thơ nơi phố huyện nghèo này đã để lại dấu ấn đậm nét trong sáng tác của Thạch Lam.

Ông cùng với Nhất Linh và Hoàng Đạo là những cây bút chủ lực của nhóm Tự lực văn đoàn. Tuy vậy, sáng tác của Thạch Lam có phong cách riêng so với hầu hết các nhà văn lãng mạn 1930 - 1945.

Tác phẩm của Thạch Lam có một giọng điệu trữ tình rất riêng. Nhẹ nhàng, tình cảm và giàu chất thơ, tác phẩm của Thạch Lam có khả năng đi sâu vào trái tim ng- ời đọc. Viết về cuộc sống khổ cực hay về những nét đẹp của Hà Nội x- a, văn Thạch Lam đều thấm đ- ợm tinh thần nhân văn chủ nghĩa.

2.Tác phẩm

Hai đứa trẻ là truyện ngắn xuất sắc, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam. Một cách rất nhẹ nhàng mà thấm thía, qua tâm trạng của hai đứa trẻ và cảnh sống nghèo cực của những ng- ời dân nơi phố huyện, nhà văn đã thể hiện những t- t- ờng nhân đạo sâu sắc về thân phận con ng- ời. Tác phẩm vừa có giá trị hiện thực, vừa thấm đẫm tinh thần nhân đạo.

Truyện ngắn của Thạch Lam th- ờng không có cốt truyện, tác giả th- ờng đi sâu vào miêu tả nội tâm nhân vật với những cảm xúc và cảm giác mơ hồ, mong manh. Miêu tả những diễn biến nội tâm tinh tế, sâu sắc của nhân vật là biệt tài của Thạch Lam. Trong *Hai đứa trẻ*, nhà văn đã sử dụng thành công thủ pháp nghệ thuật đối lập, t- ơng phản, qua đó đặc tả đ- ọc cảnh nghèo và t- ơng lai không mấy sáng sủa của những ng- ời dân phố huyện. Với giọng điệu tâm tình, ngôn ngữ, diễn đạt tinh tế, giàu chất thơ, tác phẩm mang lại cho ng- ời đọc những rung động hết sức tinh tế và nhân bản.

II/Đọc hiểu văn bản

1.Bức tranh phố huyện

Phố huyện nghèo, đìu hiu, vắng lặng đ- ọc đặt trong một không gian và thời gian nghệ thuật đặc biệt, đó là lúc trời nhá nhem cho đến tối hẳn. Đây là khoảng thời gian giúp chúng ta nhìn thấy rõ nét nhất cảnh kiếm sống vất v- ờng, lam lũ của con ng- ời. Không gian và thời gian đặc biệt này là cái nền hiện thực cho câu chuyện, gián tiếp thể hiện tâm trạng nhân vật, tạo nên chất trữ tình cho truyện ngắn.

a)Bức tranh phố huyện nghèo nàn, tăm tối

Diện mạo phố huyện được Thạch Lam tái hiện là một khung cảnh buồn, là cảnh chiều tàn đi dần vào đêm khuya. Hàng ngàn, những cái ồn ào của buổi sáng làm không khí bị nhuộm đi trong nắng như đến chiều thì cái bộ mặt thật của phố huyện hiện ra với tất cả những cái tiêu điều, xác xơ, tàn lụi. “Chiều chiều rỗi” như là một lời than thở, bàng hoàng như một tiếng thơ dài. Thế là một buổi chiều nữa lại đến, chiều là buồn. Ấn tượng về buổi chiều khá sâu đậm. Thạch Lam đã chọn một phiên chợ tàn để nói lên được tất cả bộ mặt của phố huyện. Chợ là nơi biểu hiện sức sống của một làng quê, biểu hiện thuần phong mỹ tục của làng quê. Người ở nông thôn thường trông chờ vào ngày chợ phiên đông vui tấp nập. Thạch Lam đã chọn ngày chợ phiên để nói cái xác xơ tiêu điều của phố huyện. Mặc dù không tả buổi chợ phiên nhưng ông đã tả những phế phẩm còn lại của buổi chợ, đó cũng là cách biểu hiện sức sống đầy hay vơi của phố huyện. Tả những con người cuối cùng

trao đổi với nhau rồi bước vào các ngõ tối. Rác chỉ là những thứ phế thải vớ vẩn “rác ruồi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và bã mía, những thanh nửa thanh tre... Lũ trẻ vẫn còn ra bòn mót, nhặt nhanh. Ngày chợ phiên như thế thì sức sống đã kém lắm, đã yếu lắm rồi. Người bán trông vào người mua và ngược lại nhưng chỉ là sự vô vọng, lẩn quẩn, trông chờ vào sự vô vọng. Mùi vị toả ra trong không gian này là một thứ mùi đặc trưng để nói tới sự nghèo nàn. Đó là mùi bã mía, vỏ bưởi, vỏ thị, đất ẩm, mùi khói, mùi cỏ, mùi phân trâu nồng nồng ngai ngái... Cái mùi vị ấy cũng góp phần làm cho khung cảnh thêm phần tàn tạ héo úa, lụi dần. Có thể thấy xung đột giữa bóng tối và ánh sáng khá mạnh mẽ. Ánh sáng và bóng tối đang giao tranh nhau. Ánh sáng yếu dần ban đầu là “ bầu trời đỏ rực như lửa cháy, mây ánh hồng như hòn than sắp tàn” sau đó là bóng tối hiện dần ở bóng xâm trên ngọn tre và cuối cùng bao trùm lên khu phố huyện là cái bóng tối mênh mông của nó, tín hiệu là ngọn đèn Hoa Kỳ của chị Tí. Ở đây ánh sáng và bóng tối còn mang ý nghĩa tượng trưng, ánh sáng là ước mơ, bóng tối là nghèo nàn và cô đơn; mở đầu chuyện ánh sáng tắt dần, bóng tối chiếm lĩnh. Chính cái ánh sáng cuối cùng ấy báo hiệu rõ màn đêm- màn đêm vừa sâu vừa dày sẽ diễn ra tiếp đó. Ánh sáng càng ngày càng thu nhỏ phạm vi hoặc ở xa manh manh, li ti như ánh sáng của ngôi sao trên bầu trời hoặc yếu ớt âm ỉ qua khe cửa khép hờ hoặc toả trên cái bóng tre của chị Tí. Ánh sáng ấy biểu hiện một sự tàn lụi ở cường độ thấp và khả năng thu hẹp của nó. Tiếng trống thu không rồi rạc, chậm, lẽ tẻ và cứ tắt lịm dần. Nhưng âm thanh nhỏ nhất như tiếng muỗi vo ve gợi cảm giác về sự ngưng đọng. Nó rơi tòm vào trong không gian đang chết lặng. Đó là những âm thanh không có hồi âm, nó chỉ nhấn mạnh thêm cái buồn tẻ đến rợn người của phố huyện lúc chiều tối. Tất cả hô ứng, qui tụ để cho người đọc thấy rõ được khung cảnh thật của phố huyện một ngày tàn. Thạch Lam miêu tả nhận xét một cách tinh tế, sâu xa bước đi thời gian của nơi phố nghèo. Người đọc dường như thấy được bước chuyển biến của thời gian rung lên bằng ngôn ngữ riêng. Sức rung động của câu văn có khả năng đánh thức con người hãy cảm nhận thật tinh tế khung cảnh phố huyện và tâm sự của Thạch Lam.

b) Bức tranh phố huyện nên thơ, lãng mạn

Đan xen vào giữa gam màu tối sẫm của phố huyện nghèo là màu sắc êm dịu, nên thơ của cảnh vật và lòng ng- ời.

Bức tranh phố huyện có cái nghèo khổ, tối tăm nh- ng trong cái buồn ỉn chứa vẻ đẹp lãng mạn. Bức tranh cảnh chiều tàn và đêm tối đầy sắc màu, âm thanh mùi vị. Từ ngữ chỉ màu sắc và cảm giác đ- ọc sử dụng với tần số cao (ph- ơng Tây *đỏ rực nh□ lửa cháy*, những đám mây *hồng nh□ hòn than sắp tàn*,...). Trên cái nền ấy, những cảnh đời, những con người, đúng hơn là những phiến cảnh về cuộc đời, về con người bé mọn, hoàn toàn không có ước vọng, khát khao được khắc hoạ rõ nét. Họ nói chuyện với nhau nhưng dường như chẳng có nội dung. Họ có đi lại, ăn nói với nhau nhưng chỉ thấy họ vừa lòng thoả mãn với cảnh chật hẹp. Mua chịu nửa bánh xà phòng, bán đông hơn một ngân rệu trong chiếc cút bé nhỏ ...Chị Tí là điển hình cho người dân phố huyện với nhịp sống quẩn quanh : ban ngày mò cua bắt tép, ban tối chị mới mở cái hàng bán nước. Cái đáng sợ là vẫn biết bán không được gì “sớm muộn mà có ăn thua gì?” mà vẫn cứ ra. Đây không phải là sự sống thực sự mà là sự sống cầm chừng cầm cự với cuộc sống, giao tranh, tranh giành với cái đói, cái chết trông chờ vào những người trên tàu là qua bấp bênh có khác gì trông chờ vào những người khách ấy để sống. Cách chị Tí trả lời câu hỏi của Liên: không trực tiếp trả lời ngay mà còn làm thêm để chông xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời : “Ồi chao, sớm muộn mà có ăn thua gì”. Câu văn cho ta thấy nhịp sống chập chập, lẩn quẩn của nhân vật. Bác phở Siêu có vẻ khá hơn nhưng nhưng nguy cơ lại lớn hơn vì thứ mà bác bán là thứ quà xa xỉ mà ngay cả chị

em Liên cũng không dám ăn. Bác Xẩm góp tiếng đàn run bần bật trong đêm tối, mà không hề có tiếng động nào của một đồng xu. Bà cụ là một con người bị tàn lụi, héo úa và cho ta cảm giác rợn người, kinh hoàng. Bà là kiếp người đáng sợ ở chi tiết vừa đi vào bóng tối vừa cười khanh khách. Cách xưng hô với Liên “chị” đã kéo xa khoảng cách tình giữa con người với con người vốn nó rất cần trong hoàn cảnh cảm chứng này. Cụ Thi điên là một nạn nhân đầy đủ nhất của kiếp người, như một cái cây đã tàn lụi quá nhiều - kiếp người héo hắt – tàn lụi. Cụ Thi xuất hiện chỉ trong mấy dòng truyện ít ỏi nhưng đã ám ảnh người đọc, thức dậy trong ta lòng trắc ẩn chân thành. Thạch Lam khéo léo lồng cái lãng mạn, nên thơ vào bức tranh hiện thực đầy ảm đạm. Ngựa tàn lụi nh- ng phảng phất bóng chiều tà êm ả. Đêm tối mịt mù, dày đặc nh- ng lại là đêm mùa hạ êm nh- nhưng yên ả, thanh bình; con ng- ời mơn mõi, lay lắt nh- ng đầy tình ng- ời, đầy - ớc mơ và hy vọng. Hai yếu tố hiện thực và trữ tình đan cài vào nhau trong bức tranh phố huyện tạo nên vẻ nên thơ của nó.

2. Tâm trạng nhân vật Liên

Liên là một nhân vật đặc biệt trong truyện ngắn đậm chất thơ, chất lãng mạn này. Liên đ- ọc xây dựng nh- là một nhân vật trữ tình cảm nhận thế giới. Tác giả nh- hoá thân vào nhân vật để thể hiện suy nghĩ của mình tr- ớc cảnh và ng- ời. Bức tranh ngoại cảnh thực chất đ- ọc nhìn và cảm nhận qua tâm trạng của Liên. Tâm trạng nhân vật chịu sự tác động của thiên nhiên và cuộc sống nơi phố huyện, vì thế có một sự hài hoà đặc biệt giữa cảnh và tâm trạng con ng- ời theo từng thời khắc: ngày tàn, đêm xuống, phút đợi tàu.

a) Tâm trạng của Liên lúc ngày tàn

Tâm trạng chủ đạo của Liên vào thời điểm ngày tàn chính là nỗi buồn tr- ớc cảnh và sự xót th- ơng tr- ớc những con ng- ời nghèo khổ. Nỗi buồn đó đ- ọc giới thiệu ngay từ đầu truyện, đó là nỗi buồn *man mác*, nỗi buồn thấm thía từ cảnh tràn vào lòng ng- ời. Cảnh chợ tàn giữa chiều hoàng hôn bồi đắp thêm cho nỗi buồn mơ hồ của lòng ng- ời. Liên động lòng th- ơng cho lũ trẻ nhà nghèo, bồi hồi nhận ra mùi vị ra mùi vị quen thuộc cuộc sống lâm than. Cái nhạy cảm, đầy cảm th- ơng có trong Liên chính là vì tâm hồn ấy đã sớm phải chịu một cuộc sống vất vả. Tâm trạng này xuyên suốt cả thiên truyện.

b) Tâm trạng của Liên khi bóng tối bao trùm

Cái yên ả, thanh bình của đêm mùa hạ *êm nh- nhưng* khiến cho những nỗi buồn mơ hồ không còn nữa. Thay vào đó là cảm giác yên tĩnh. Chị cảm thấy *quen với đêm tối và không còn sợ nó nữa*, cuộc sống xung quanh chị cảm thấy trở nên ấm áp hơn. Khi bóng tối bao trùm, tâm trạng Liên có sự cảm thông, gần gũi với mảnh đất và con ng- ời nơi đây. ánh sáng của những vì sao thì xa xôi, bí ẩn, ánh sáng của kỉ niệm chỉ là một vùng sáng rực, ánh sáng của đoàn tàu lại l- ợt qua, chỉ có thứ ánh sáng yếu ớt, lay lắt mơn mõi trên mặt đất là có thực. Hình ảnh ngọn đèn của chị Tí trong tác phẩm đ- ọc nhắc đi nhắc lại nh- nhấn mạnh thực tại của cuộc sống mơn mõi, buồn tẻ mà ấm áp tình ng- ời nơi đây. Hình ảnh ngọn đèn của chị Tí trong cảm nhận của Liên đã trở thành biểu t- ượng ấm áp của tình ng- ời, biểu t- ượng của sự n- ơng tựa vào nhau trong cuộc sống khó khăn.

Tâm hồn Liên có sự xáo trộn của kỷ niệm đẹp t- ươi sáng. Sự hồi t- ưởng một quá khứ ngập tràn ánh sáng và sắc màu(những món quà ngon, những cốc kem xanh đỏ,...) giúp chúng ta nhận ra khát vọng đẹp đẽ của chị em Liên giữa cuộc đời buồn tẻ.

Tâm trạng yên ả, thanh bình của Liên trong bóng tối bao trùm là tâm trạng của những con ng- ời hiểu và ý thức đ- ọc cuộc sống hiện tại của họ.

c) Tâm trạng Liên những phút đợi tàu

Cuộc sống tù túng, nhàm chán không thể giam hãm được tâm hồn của bọn trẻ luôn h- ớng về những miền sáng. Bầu trời đầy sao, kỷ niệm đầy sắc màu, đoàn tàu khuấy động phố huyện đêm đêm...đều

thể hiện cái khát khao đó. Những phút đợi tàu đã trở thành thói quen tâm lý, trở thành quy luật trong cuộc sống của chị em Liên.

Tâm trạng An và Liên trong phút đợi tàu rất *thấp thỏm, nặng nề vì tàu đến rất muộn, họ phải chờ đợi sau một ngày mệt nhọc buồn ngủ riu cả mắt mà vẫn cố g^ong*. Nh- ng đó là một sự chờ đợi bền bỉ, nhẫn nại.

Cảnh đợi tàu đ- ọc Thạch Lam miêu tả thật cảm động thiêng liêng. Họ đón đoàn tàu từ dấu hiệu đầu tiên cho đến khi mất hút. Cảm xúc của Liên và An h- óng đến thế giới đầy âm thanh và sắc màu *còi rít lên, tàu rầm rộ đi qua, đoàn xe vụt qua, đèn sáng tr^ong, đồng và kèn lấp lánh...* Âm thanh và ánh sáng là những gì đối lập với cuộc sống buồn tẻ nơi phố huyện, đó là một *thế giới khác hẳn đối với Liên, khác hẳn với vầng sáng ngọ đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu*. Tàu đ- a cái thế giới khác hẳn ấy đi qua nh- ng lại để lại trong tâm hồn hai đứa trẻ giấc mơ về ánh sáng, giấc mơ đó giúp cân bằng cuộc sống thực tại buồn tẻ.

Tâm trạng của Liên được Thạch Lam miêu tả một cách tài tình. Cô sống nhạy cảm giữa cái tàn lụi và hy vọng giữa bóng tối và những giấc mơ về ánh sáng, về một thế gi- ới ý nghĩa hơn. Thạch Lam đã nâng niu trân trọng những giấc mơ bé nhỏ, mơ hồ của con ng- ời bằng một giọng văn sâu lắng, gợi cảm.

III/Tổng kết

1.Nghệ thuật

Hai đứa trẻ không có hệ thống sự kiện, tình huống gây hoi hợp cho độc giả bởi truyện không có cốt truyện rõ ràng. Cái hấp dẫn của truyện không phải ở hệ thống sự kiện mà chủ yếu là bằng sức nặng của giọng văn dẫn dắt ng- ời đọc t- ạo t^ong t^ong khám phá một cách t- ạo t^ong thế giới nhân vật

Biện pháp nghệ thuật tương phản đối lập đ- ọc sử dụng nh- một - u thế trong tác phẩm để làm nổi bật cuộc sống và tâm trạng của con ng- ời

Bút pháp đan xen giữa tự sự và trữ tình, ngôi bút - khám phá tâm lý của Thạch Lam đã giúp độc giả nhận ra cái đẹp trong những cái bình th- ờng và gần gũi. Giọng văn đầy cảm xúc, nhẹ nhàng, sâu lắng tạo sức lan toả cho câu chữ, cuốn hút ng- ời đọc vào một thế giới đầy sự hoà điệu.

2.Nội dung

Hai đứa trẻ thể hiện tình yêu quê h- ơng tha thiết và tấm lòng yêu th- ơng của nhà văn đối với con ng- ời. Qua tác phẩm, nhà văn đã thể hiện sự xót th- ơng đồng cảm sâu sắc đối với những con ng- ời nhỏ nhoi có kiếp sống quanh quẩn, buồn tẻ nơi phố huyện nghèo, đồng thời khẳng định và ngợi ca khát vọng sống mãnh liệt của con ng- ời.

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ – Nguyễn Tuân

I/Tìm hiểu chung

1.Tác giả

Nguyễn Tuân (1910-1987) quê làng Mọc, huyện Từ Liêm, nay thuộc ph- ờng Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội, là nhà văn có tài năng và tài hoa đặc biệt của văn học Việt Nam. Nguyễn Tuân sinh ra trong một gia đình nhà nho vào thời buổi Hán học đã lụi tàn, chịu ảnh h- óng từ ng- ời cha là một nhà nho tài hoa bất đắc chí – ông tú Nguyễn An Lan. Nhiều tác phẩm của Nguyễn Tuân thể hiện sự hoài niệm về những nét đẹp văn hoá cổ truyền đã mất đi. Trong đó, tiêu biểu nhất là tập truyện *Vang bóng một thời*.

2.Tác phẩm

Chữ ng-ời tử tù là một truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật Nguyễn Tuân tr-ớc Cách mạng. Truyện ngắn này có một tình huống truyện rất độc đáo. Huấn Cao là một tử tù nh- ng lại là ng-ời đại diện cho thiên l-ơng, là một nghệ sĩ ban phát cái đẹp. Viên quản ngục là ng-ời đại diện cho chính quyền nh- ng lại là ng-ời đ-ợc nhận cái đẹp từ ng-ời tử tù. Huấn Cao và viên quản ngục là hai hình t-ợng nghệ thuật đẹp của Nguyễn Tuân.

* Cảnh cho chữ là cảnh t-ợng x- a nay ch- a từng có, cuộc t-ợng phùng kì ngộ của những liên tài tri kỉ giữa chốn ngục tù xoay quanh việc xin chữ và cho chữ của tử tù, quản ngục và thầy thơ lại.

□ Tình huống độc đáo : cái đẹp đ-ợc sáng tạo trong tù ngục.

□ Ng-ời cho chữ là tử tù, ng-ời nhận chữ là quản ngục. Cái ác cúi đầu tr-ớc thiên l-ơng, cái thiên l-ơng đ-ợc tôn vinh nơi cái ác ngự trị. Vẻ đẹp của tài năng và thiên l-ơng đã toả sáng nơi tăm tối nhất. Đó là sự vững bền và bất khuất của chân lí.

II/Đọc-hiểu văn bản

1.Tình huống truyện đặc sắc

Tình huống truyện là "cái tình thế xảy ra truyện", là "một khoảnh khắc mà trong đó sự sống hiện ra rất đậm đặc", là cái "khoảnh khắc chứa đựng cả một đời ng-ời" (Nguyễn Minh Châu).

Tình huống truyện còn đ-ợc hiểu là mối quan hệ đặc biệt giữa nhân vật này với nhân vật khác, giữa nhân vật với hoàn cảnh và môi tr-ờng sống, qua đó, nhân vật bộc lộ tâm trạng, tính cách, hay thân phận của nó góp phần thể hiện sâu sắc t- t-ợng của tác phẩm.

Trong truyện ngắn *Chữ ng-ời tử tù*, Nguyễn Tuân đã xây dựng đ-ợc một tình huống truyện độc đáo. Hai nhân vật Huấn Cao và quản ngục, trên bình diện xã hội, họ hoàn toàn đối lập nhau. Một ng-ời là tên "đại nghịch", cầm đầu cuộc nổi loạn nay bị bắt giam, đang chờ ngày ra pháp tr-ờng để chịu tội ; còn một ng-ời là quản ngục, kẻ đại diện cho cái trật tự xã hội đ-ợng thời. Nh- ng họ đều có tâm hồn nghệ sĩ. Trên bình diện nghệ thuật, họ là tri âm, tri kỉ với nhau. Tạo dựng tình thế nh- vậy, đồng thời cho họ gặp nhau giữa chốn ngục tù, tối tăm như bản, tạo nên một cuộc kì ngộ kì lạ và đáng nhớ.

Tình huống truyện độc đáo thể hiện ở mối quan hệ éo le, đầy trở trêu giữa những tâm hồn tri kỉ. Hai nhân vật đ-ợc đặt trong một tình thế đối địch : tử tù và quản ngục. Chính tình huống độc đáo này đã giúp làm nổi bật trọn vẹn vẻ đẹp của hình t-ợng Huấn Cao, đồng thời cũng làm sáng tỏ tấm lòng biệt nhỡn liên tài của viên quản ngục. Từ đó mà chủ đề của tác phẩm cũng đ-ợc thể hiện sâu sắc.

2.Hình t-ợng Huấn Cao

a)Huấn Cao-con ng-ời tài hoa xuất chúng

Tài hoa của HC đ-ợc giới thiệu ngay từ đầu truyện qua lời của các nhân vật khác. Nhân vật chính ch- a xuất hiện nh- ng đã đ-ợc giới thiệu là một *ng-ời mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ nhanh mà rất đẹp* là ng-ời *văn võ đều có tài*. Nguyễn Tuân đã chú ý giới thiệu cái tài hoa của HC tr-ớc khi giới thiệu nhân vật.

Cái tài hoa của HC nổi tiếng đến mức viên quản ngục phải đãi ngộ ông cả tháng giời để hy vọng xin đ-ợc chữ bất chấp thái độ khinh bạc của kẻ d-ới quyền

Trong cảnh cho chữ, tài hoa đã thực sự toả sáng đã tạo nên không khí thiêng liêng khiến cho những ng-ời xa cách vị thế xã hội đã chụm đầu vào say x- a h-ớng tới cái đẹp.

Miêu tả cái tài hoa tuyệt đích của HC cũng chính là cách để Nguyễn Tuân thể hiện quan niệm liên tài của mình. Cái tài là thứ quý hiếm đáng đ-ợc tôn thờ và ng-ỡng mộ; phải là cái phát lộ đến tuyệt đích; phải có giá trị thanh lọc tâm hồn con ng-ời.

b)Huấn Cao-ng-ời có khí phách phi th-ờng

Khí phách khác ng-ời của HC cũng đ-ợc giới thiệu ngay từ đầu truyện, là ng-ời có nghĩa khí *chọc trời khuấy n-ớc*.

Khí phách ấy còn thể hiện rõ ràng bằng những hành động và cách ứng xử của Hc trong ngục. Thái độ *thản nhiên* đến lạnh lùng nhận r-ợu thịt suốt nửa tháng trời, *khinh bạc* tr-ớc kẻ tiểu nhân, không v-ong bận hạ thấp mình khi rơi vấp cảnh ngục tù. HC vẫn sống ung dung đ-ờng hoàng trong những ngày chờ ra pháp tr-ờng.

Trong cảnh cho chữ con ng-ời ngang tàn ấy *cổ đeo gông, chân v-ớng xiềng* vẫn say x-a sáng tạo, không thêm nghĩ đến cái chết đang kề cổ

c)Huấn Cao-ng-ời có thiên l-ong rực rỡ

Ông là ng-ời có nhân cách cao cả,*chữ* chính là cái tâm của ông. Đối với HC chữ là thứ quý nhất trên đời song không vì thế mà đổi chữ lấy vàng bạc, quyền thế. Chữ chỉ dành cho những ng-ời tri kỷ, cho chữ viên quản ngục tức là HC đã xem quả ngục là ng-ời tri kỷ. Chữ không thể treo nơi tối tăm, bản thủ cũng có nghĩa là cái đẹp không thể tồn tại bên cái xấu xa. Chữ thể hiện hoài bão của một đời ng-ời.Nét chữ vuông vức,tươi tắn chính là tinh hoa của đời HC khiến quản ngục phải nghẹn ngào vái lạy.

Qua hình t-ợng nhân vật Huấn Cao, Nguyễn Tuân muốn bày tỏ những quan niệm của mình về cái đẹp. Trong truyện, Huấn Cao đ-ợc xây dựng không chỉ là ng-ời có tài mà còn có tâm, có "thiên l-ong" (bản tính tốt lành). Huấn Cao không chỉ có thái độ hiên ngang, bất khuất, coi th-ờng cái chết và tiền bạc mà còn có tấm lòng yêu quý cái thiện, mềm lòng tr-ớc tấm lòng "biệt nhỡn liên tài" của viên quản ngục (sẵn lòng cho chữ khi hiểu rõ thiện căn và sở thích cao quý của ông ta) và thậm chí còn biết sợ cái việc chút nữa "phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ". Có thể nói đó là hai mặt thống nhất của một nhân cách lớn. Nh- thế, trong quan điểm của Nguyễn Tuân, cái *tài* phải đi đôi với cái *tâm*. Cái *đẹp* và cái *thiện* không thể tách rời nhau. Đó là một quan điểm thẩm mỹ tiến bộ của tác giả.

3.Hình t-ợng viên quản ngục

Dù có thể đ-ợc coi là nhân vật phụ, song qua ngòi bút của Nguyễn Tuân, viên quản ngục cũng là một nhân vật độc đáo :

– Là một ng-ời làm nghề coi ngục, là công cụ trấn áp của bộ máy thống trị đ-ợng thời, nh-ng viên quản ngục lại có thú chơi thanh cao, tao nhã – thú chơi chữ. Ngay từ khi còn trẻ, khi mới "biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền", ông đã có cái sở nguyện "một ngày kia đ-ợc treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết".

– Viên quản ngục là ng-ời biết trân trọng giá trị con ng-ời. Điều đó thể hiện rõ qua hành động "biệt đãi" của ông đối với Huấn Cao – một kẻ tử tù đại nghịch.

– Cái sở nguyện thanh cao muốn có đ-ợc chữ của Huấn Cao để treo bất chấp nguy hiểm, cùng thái độ thành kính đón nhận chữ từ tay Huấn Cao cho thấy, viên quản ngục là một ng-ời có tấm lòng "biệt nhỡn liên tài", là ng-ời biết trân trọng những giá trị văn hoá.

– Diễn biến nội tâm, hành động và cách ứng xử của viên quản ngục cho thấy đây cũng là một nhân cách đẹp, một "tấm lòng trong thiên hạ" tri âm, tri kỉ với Huấn Cao. Đó là "một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ".

– Có thể nói, viên quản ngục là một ng-ời biết giữ "thiên l-ong", biết trân trọng giá trị văn hoá và tài năng, là ng-ời có tâm hồn nghệ sĩ, không có tài nh-ng yêu tài, không sáng tạo đ-ợc cái đẹp nh-ng biết yêu và trân trọng thật lòng cái đẹp.

Vẻ đẹp của hình t-ợng nhân vật Huấn Cao đ-ợc bộc lộ một cách chói sáng, rực rỡ nhất trong cái đêm ông cho chữ viên quản ngục. Cảm hứng mãnh liệt tr-ớc một "cảnh t-ợng x-a nay ch-a từng có" đã khiến Nguyễn Tuân thoả sức thể hiện khả năng sử dụng vốn ngôn từ phong phú, sắc sảo của ông.

Những lớp ngôn từ vừa trang trọng cổ kính, vừa sống động nh- có hồn, có nhịp điệu riêng, giàu sức truyền cảm. Bút pháp dựng ng-ời, dựng cảnh của nhà văn đạt đến mức điêu luyện. Những nét vẽ của nhà văn trong đoạn này rất giàu sức tạo hình. Thủ pháp t- ợng phản đ- ọc sử dụng rộng rãi và có hiệu quả đã làm nổi bật hơn bao giờ hết vẻ đẹp trang trọng, uy nghi, rực rỡ hào quang bất tử của hình t- ợng nhân vật Huấn Cao.

4.Cảnh cho chữ-"cảnh t- ợng x- a nay ch- a từng có"

Có thể nói : cảnh Huấn Cao cho chữ viên quản ngục là một "cảnh t- ợng x- a nay ch- a từng có", vì :

– Việc cho chữ vốn là một việc thanh cao, một hoạt động sáng tạo nghệ thuật lại diễn ra trong một căn buồng tối tăm, chật hẹp, ẩm - ốt, hôi hám của nhà tù (t- ờng đầy mạng nhện, tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột, phân gián). Cái đẹp lại đ- ọc sáng tạo giữa chốn hôi hám, nhơ bẩn ; thiên l- ợng cao cả lại toả sáng ở chính cái nơi mà bóng tối và cái ác đang ngự trị.

- Ng- ời nghệ sĩ tài hoa đang say mê tô điểm nét chữ không phải là ng- ời đ- ọc tự do mà là một kẻ tử tù đang trong cảnh cổ đeo gông, chân v- ớng xiềng, và chỉ sớm tinh mơ ngày mai đã bị giải vào kinh để chịu án tử hình. Trong cảnh này, ng- ời tù thì nổi bật lên uy nghi, lồng lộng, còn quản ngục, thơ lại (những kẻ đại diện cho quyền thế) thì lại "khúm núm", "run run" bên cạnh ng- ời tù đang bị gông xiềng kia...

– Trật tự, kỉ c- ơng trong nhà tù hoàn toàn bị đảo ng- ọc : tù nhân trở thành ng- ời ban phát cái đẹp, răn dạy ngục quan ; còn ngục quan thì khúm núm, vái lạy tù nhân.

Thì ra, giữa chốn ngục tù tàn bạo, không phải những kẻ đại diện cho quyền lực thống trị làm chủ mà là ng- ời tử tù làm chủ. Đó là sự chiến thắng của ánh sáng đối với bóng tối, của cái đẹp đối với cái xấu xa, nhơ bẩn, của cái thiện đối với cái ác,... Đó là sự tôn vinh cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con ng- ời bằng một bức tranh nghệ thuật đầy ấn t- ợng.

5.Bút pháp miêu tả nhân vật

Các nhân vật của Nguyễn Tuân tuy chỉ đ- ọc miêu tả trong những khoảnh khắc nh- ng đó là những khoảnh khắc đặc biệt, bởi thế đều rất ấn t- ợng. Nhân vật rất giàu tính cách, rất ngang tàng, rất tài năng nh- ng cái tâm cũng luôn trong sáng. Đó là những biểu t- ợng về cái đẹp, là những con ng- ời hoàn mỹ.

Trong truyện, đáng chú ý nhất là đoạn miêu tả cảnh vật và không khí thiêng liêng, cổ kính của cảnh cho chữ. Đoạn văn này thể hiện tài năng sắc sảo của Nguyễn Tuân không chỉ trong việc sử dụng ngôn ngữ một cách điêu luyện mà còn ở khả năng sử dụng bút pháp đối lập trong tạo dựng cảnh. Chính nhờ thủ pháp đối lập (một thủ pháp đặc tr- ng của văn học lãng mạn) mà cảnh t- ợng này hiện lên với đầy đủ vẻ đẹp trang trọng, uy nghi, rực rỡ của nó.

6. Quan điểm nghệ thuật

Quan điểm nghệ thuật của Nguyễn Tuân đ- ọc thể hiện ở chỗ nhà văn luôn tiếp cận đối t- ợng từ ph- ơng diện văn hoá thẩm mỹ. Ông đặc biệt chú ý đến cái tài và cái tâm của nhân vật. Tr- ớc Cách mạng, nhà văn đặc biệt chú ý đề cao cái đẹp, nhất là những nét đẹp văn hoá truyền thống. Quan điểm nghệ thuật của nhà văn đ- ọc tập trung thể hiện ở nhân vật Huấn Cao. Qua nhân vật này, nhà văn đề cao vẻ đẹp của tài năng, thiên l- ợng và khí phách. Huấn Cao là sự kết hợp hoàn mỹ giữa tài và tâm. Còn nhân vật viên quản ngục là một chứng minh của nhà văn về sức mạnh cảm hóa của cái đẹp. Ng- ời sáng tạo ra cái đẹp là ng- ời tài và ng- ời biết th- ờng thức cái đẹp cũng là ng- ời có thiên l- ợng.

III/Tổng kết

1.Nội dung

Qua hai nhân vật HC, viên quản ngục và cảnh cho chữ, tác phẩm tập trung ca ngợi vẻ đẹp của tài năng và thiên lương. Nguyễn Tuân đã thể hiện quan điểm tiến bộ và nhân văn: cái tài, cái đẹp phải gắn liền với cái thiện. Cái đẹp và tài năng không chỉ có sức mạnh toả sáng ở mọi nơi mà còn có sức mạnh cảm hoá và chiến thắng cái xấu, cái ác.

2. Nghệ thuật

Nghệ thuật xây dựng nhân vật: Bút pháp lãng mạn dựng nhân vật HC với những nét tính cách đ-ợc lý t-ởng hoá, đối lập với hoàn cảnh, đứng cao hơn hoàn cảnh. Nét tính cách nào của nhân vật cũng đ-ợc tuyệt đối hoá đến độ phi th-ờng. Nếu HC đ-ợc khắc hoạ thiên về hành động thì viên quản ngục đ-ợc khắc hoạ thiên về chiều sâu tâm lí. Độc thoại nội tâm đ-ợc sử dụng để soi rõ từng biến động tinh vi nhất trong tâm hồn nhân vật. Qua đó nhân vật tự thể hiện mình một cách chân thành nhất.

Truyện đã xây dựng một tình huống đặc biệt, đó là cảnh cho chữ- một cảnh t-ợng từ x- a đến nay ch- a từng có, đ-ợc dựng bằng bút pháp đối lập, chứa đựng yếu tố khác th-ờng để làm nổi bật cái đẹp, cái lý t-ởng; qua đó thể hiện tính cách nhân vật, thể hiện quan điểm của tác giả về cái đẹp

Ngôn ngữ giàu tính tạo hình, sử dụng nhiều từ Hán Việt từ cổ để tạo dựng không khí thời đại và con ng-ời vang bóng.

HẠNH PHÚC CỦA 1 TANG GIA – Vũ Trọng Phụng

I/ Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Vũ Trọng Phụng (1912-1939) quê ở làng Hảo (Bản Yên Nhân), huyện Mỹ Hào, tỉnh H- ng Yên, nh- ng sinh ra, lớn lên và mất ở Hà Nội. Mồ côi cha từ thuở ấu thơ, gia đình nghèo, Vũ Trọng Phụng đ-ợc bà mẹ tần tảo nuôi cho ăn học. Ông viết văn sớm, có truyện đăng báo từ năm 1930. Vũ Trọng Phụng viết nhiều thể loại nh- ng nổi tiếng với hai thể tiểu thuyết và phóng sự. Tác phẩm của Vũ Trọng Phụng tập trung vạch trần những ung nhọt thối tha trong xã hội Việt Nam những năm ba m- - oi. Những lối lãng, kệch cỡm của lối sống Âu hoá nửa vời, những sản phẩm nhục nhĩ của văn hoá nô dịch đã đ-ợc ghi nhận bằng một ngòi bút sắc sảo, cay nghiệt và đanh đá. Những phóng sự, tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng thể hiện thái độ gay gắt của ông với xã hội đ-ơng thời. Vì lao động quá sức, nhà văn đã mắc bệnh lao và mất khi còn rất trẻ, lúc mới 27 tuổi.

2. Tác phẩm *Số đỏ*

Số đỏ là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Vũ Trọng Phụng. Tác phẩm là một vở đại hài kịch nhiều màn phản ánh chi tiết một “tấn trò đời”. Mỗi ch-ơng là một tiếng c-ời sâu cay của tác giả ném vào mặt xã hội đ-ơng thời. Bằng nghệ thuật trào phúng bậc thầy, nhà văn đã lên án gay gắt cái xã hội t- sản thành thị đang đua đòi lối sống văn minh rởm, hết sức lối lãng đồi bại đ-ơng thời. Những lối học đòi ngu si đã huỷ hoại những nét đẹp văn hoá truyền thống và cả xã hội nh- bọn hề tranh nhau nhảy múa.

3. Đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia*

“Hạnh phực của một tang gia”, trích toàn bộ chương 15 tiểu thuyết “Số đỏ”, một kiệt tác của Vũ Trọng Phụng, xuất bản năm 1936. Qua miêu tả một đám tang, nhà văn đã vạch trần thói đạo đức giả của một đại gia đình bất hiếu, từ đó phản ánh sự xuống cấp của đạo đức xã hội.

II/ Đọc- hiểu văn bản

Nguyên văn tên ch-ơng XV là *Hạnh phúc của một tang gia – Văn Minh nữa cũng nói vào – Một đám ma g-ơng mẫu*. Ngay tên nhan đề đã thể hiện tính chất trào phúng. Tình huống để tạo nên tính

trào phúng th-ờng là những tình huống có mâu thuẫn và bất bình th-ờng, càng bất th-ờng thì càng trào phúng. *Hạnh phúc của một tang gia* là một mâu thuẫn rõ ràng và không cần giải thích tại sao. Hạnh phúc là khi ng-ời ta đ-ợc thoả mãn nhu cầu nào đó, khi thực hiện đ-ợc mong muốn của bản thân. Tang gia thì bao giờ cũng đau đớn. Một ng-ời thân mất đi là nỗi đau "sinh li tử biệt" của cả đại gia đình. Thế nh-ng, thật ng-ợc đời, cái chết của cụ cố tổ lại mang đến hạnh phúc cho cả một đại gia đình, mà lại là một gia đình danh giá, đại diện cho cả một nền văn minh. Kết hợp một trạng thái tâm lí với một hiện t-ợng hoàn toàn cách xa nhau, nhà văn đã tạo nên một tình huống gây c-ời độc đáo, gây c-ời mà chua xót, đắng cay.

1. Niềm vui của tang gia

Cái chết của cụ cố tổ là tình huống đặc địa và cay nghiệt khi đ-ợc dùng để thể hiện sự đại bất hiếu của đám con cháu. Giá chỉ một ng-ời hạnh phúc đã đành, ở đây lại cả một tang gia hạnh phúc. Cái chết này đã đ-ợc đám con cháu mong đợi từ rất lâu vì rất nhiều lí do khác nhau. Sốt ruột, không thể chờ đợi lâu hơn, chúng đã thuê ng-ời can thiệp để cái chết đến nhanh hơn. Chúng thuê hai thầy lang băm có nhiều thành tích giết ng-ời nhất đến chữa bệnh và cả Xuân Tóc Đỏ đến giết chết cụ cố tổ bằng những lời tố cáo cháu gái cụ đã h- hỏng. Ng-ời cuối cùng trong gia đình còn biết xấu hổ khi danh dự gia đình bị hoen ố đã ra đi nhờ sự can thiệp nhiệt tình và hiệu quả của đám con cháu. Sự bất hiếu của hai cô con gái lão Gô-ri-ô đã không thể tha thứ nh-ng sự bất hiếu của đám con cháu văn minh của cụ cố Hồng còn đáng sợ hơn. Cha chết, hai cô con gái không đến mà chỉ gửi đến hai chiếc xe có treo huy hiệu của nhà chồng. Còn đám con cháu kia thì rất tấp nập, nhộn nhịp, họ náo nức chuẩn bị. Trong đám tang chúng cũng than khóc, nh-ng than khóc một cách giả dối. Sự giả dối ấy mới là điều đáng bàn và là điều mà nhà văn rất chú ý miêu tả.

Nhà văn đã không bỏ phí một chi tiết nào. Liên tục và th-ờng xuyên tạo tình huống gây c-ời và nh- vô tình làm lộ tẩy những điều xấu xa nhất của đám ng-ời vô đạo, học đòi văn minh rởm. Mỗi ng-ời một cách, nhà văn đã để cho họ thi nhau thực hiện mong - ớc của mình, thi nhau h-ởng thụ niềm hạnh phúc mà họ mong đợi từ lâu.

Niềm hạnh phúc lớn nhất, lâu bền nhất và chung nhất mà cái chết cụ cố tổ mang lại cho mọi thành viên trong gia đình là đ-ợc thừa h-ởng tài sản. Họ đ-ợc chia tài sản và ai cũng đ-ợc phần. Ngoài ra, mỗi ng-ời còn có một niềm hạnh phúc riêng, cả ng-ời trong gia đình và những ng-ời ngoài gia đình.

Trong gia đình, lớn nhất là cụ cố Hồng, con trai của ng-ời chết. Bố chết, cụ hạnh phúc vì đ-ợc mặc áo xô gai, chống gậy lụ khụ, để mọi ng-ời nhìn vào cụ mà trầm trồ. Đợi phát phục, cụ "nhắm nghiền mắt lại để mơ màng đến cái lúc cụ mặc đồ xô gai...".

Còn đám con cháu, chúng la ó vì ch-a thấy phát phục, ch-a đ-ợc thể hiện tài hoặc đ-ợc diện những bộ đồ tang thời trang nhất mà chúng vừa sáng tạo ra để khai hoá văn minh. Đứng đầu là Văn Minh, cháu đích tôn của ng-ời chết. Ông lo lắng vì không biết đối xử với Xuân nh- thế nào cho phải bởi "Xuân tuy phạm tội quyến rũ một em gái ông, tố cáo cái tội trạng hoang dâm của một em gái khác nữa của ông, nh-ng tình cờ đã gây ra cái chết của ông cụ già đáng chết. Hai cái tội nhỏ, một cái ơn to...". Và nỗi lo trả ơn cho phải đạo với ng-ời đã giúp mình giết chết ông nội khiến Văn Minh có đ-ợc bộ mặt rất hợp với gia đình "đ-ơng là tang gia bối rối".

Đám cháu gái, cháu dâu thì hạnh phúc vì đ-ợc mặc những bộ đồ xô gai thời trang, đ-ợc khoe mình còn "một nửa chữ trinh" với những ng-ời đến đ-à tang. Cậu tú Tân, cháu nội ng-ời chết, thì sung s-ống vì đ-ợc trở tài chụp ảnh. Quả thật nực c-ời và cay đắng vì những hạnh phúc của đám con cháu. Nhà văn đã không thể không nói thẳng ra điều đó : "... một bầy con cháu chí hiếu chỉ nóng ruột đem chôn cho chóng cái xác chết của cụ cố tổ". Chúng đúng là "một bầy" thú chứ không

phải con ng-ời. Chắc phải chứng kiến những điều ngang tai trái mắt lắm nhà văn mới có cái nhìn và thái độ cay nghiệt nh- vậy.

2.Cảnh đưa đóm

Cảnh đưa đóm hướng tới đóm đưng hơn 300 người. Đóm tang là sự tập trung đưng đủ mọi thành phần trong xó hội thượng lưu. Hồnh ảnh đóm đưng hơn 300 người chính là hồnh ảnh thu nhỏ của xó hội thượng lưu nhòn nhạo và đòi truy kia. Thật khộ lộ, VTP đó đưng lại cho hai tầng lớp tìu biếu ấy cho tầng lớp trồn là những ụng bạn thốn của cụ cố Hồng và những ụng *tai to mặt lớn*. Họ đến đám tang với kiểu cách loè loẹt, *ngực đeo dây huân chơng*, râu ria tĩa tốt, những ông tai to mặt lớn *trông thấy làn da trắng thập thờ trên cánh tay và ngực tuyết ai nấy đều cảm động*. Bộ mặt họ toát lên vẻ đạo đức giả. Loai ng-ời thứ 2 đó là phụ nữ tân thời(một nửa trong số họ là phụ nữ tân thời). Tuyết, bà Minh, cô Hoàng Hôn, bà Phó Đoan,... đã đ- a đến đám ma đủ các loại trang phục lố bịch của tiệm may Âu hoá. Tuyết mặc trang phục ngây thơ mỏng để chứng tỏ sự trong trắng của mình. Họ đến đám ma để khoe thời trang, nói đủ thứ chuyện trên đời, *họ chim nhau, bình phẩm nhau, cời tình với nhau, chê bai nhau bằng vẻ mặt của nhữn ng-ời đ- a đám*. Cả đám đông nhón nháo ấy *đi đến đâu làm huyền não đến đấy*, đó là bộ mặt sinh động nhất của XH th- ợng l- u. Ng-ời ta đến đám ma là để khoe khoang những cái đạo đức giả, để làm những trò đồi bại

Khi miêu tả cảnh đám tang nhà văn đã lặp lại điệp khúc "Đám cứ đi...". Điệp khúc này có ý nghĩa châm biếm, hài h- ớc. Một đám ma hỗn độn và hài h- ớc, pha tạp đủ thứ, học đòi đủ kiểu để khoe khoang. Xe chở ng-ời chết cứ đi, ng-ời đ- a cứ chim chuột nhau, con cháu cứ h- ởng thụ niềm hạnh phúc sung s- óng của mình. Mỗi ng-ời một tâm lí, một mục đích khác nhau, hội tụ lại để thực hiện "nghĩa tử là nghĩa tận" với ng-ời chết. Điểm nổi bật nhất và chung nhất của đám ng-ời này là sự giả dối, thói đạo đức giả.

3.Cảnh bên huyệt

Cảnh bên huyệt đ- ọc xem là khoảnh khắc trào phúng xuất thần làm hoàn hảo thêm màn đại kịch này. Màn kịch này đ- ọc đẩy kịch tính lên đỉnh điểm để hạ bệ nhân vật. Cảnh tập trung vào hành động của các nhân vật Tú Tân, Xuân Tóc Đỏ, Phán mọc sùng. Cậu tú Tân sắp xếp sự đau khổ để có những bức ảnh đẹp. Nỗi đau hoàn toàn là giả dối. Cụ cố Hồng ho khạc mếu máo và ngất đi. Ông Phán một sùng diễn một màn kịch xuất sắc. Ông khóc to *hút!hút!hút*, khóc *muốn lặn đi* suýt ngã, không thể đứng lên đ- ọc, khóc đến *oạt ng-ời*, *khóc mãi không thôi*. Xuân Tóc Đỏ đứng nghiêm trang. Từ đầu đến cuối đoạn trích, đây là cảnh hợp lý nhất với đám tang, có tiếng khóc ,có ngất xỉu, có sự nghiêm trang. Vậy mà màn kịch nhanh chóng hạ, tạo nên cái *hẫng* cho độc giả. Lúc Xuân Tóc Đỏ muốn đẩy cho ông phán ngã quách đi thì chợt thấy ông *dúi vào tay nó tờ giấy năm đồng bạc gấp t* Cũng bỉ ổi nh- nhau, Xuân Tóc Đỏ nắm tay cho khỏi có ng-ời trông thấy. Chỉ bằng một chi tiết nhỏ thôi, mọi hành động của các nhân vật bên huyệt đều bị lật tẩy. Cụ cố Hồng đã bao đau khổ mà ngất xỉu, đằng sau dáng đứng nghiêm trang của Xuân, đằng sau cái lả ng-ời khóc lóc của đứa cháu rể là sự giả dối, giả dối đến cực độ.

III/Tổng kết

1.Nghệ thuật

Giá trị nghệ thuật độc đáo nổi bật của *Hạnh phúc của một tang gia* thể hiện ở những mâu thuẫn trong đoạn trích. Mâu thuẫn ấy đ- ọc thể hiện ngay ở nhan đề *tang gia* mà lại *hạnh phúc*. Nhà văn đã tạo ra một sự kết hợp có một không hai nh- ng lại rất hợp lý. Toàn bộ đoạn trích đã chứng minh rằng tang gia vẫn có hạnh phúc, thậm chí còn là niềm hạnh phúc đầy phấn khích của các thành viên trong gia đình.

Khi miêu tả cảnh chuẩn bị, cảnh đi - a tang, cảnh hạ huyệt, tác giả rất chú trọng đến việc chọn chi tiết, hình ảnh, miêu tả tỉ mỉ, cụ thể của bọn con cháu trong nhà để từ đó lật tẩy cái thói đạo đức giả của chúng

Lời văn giấu nhại đậm chất trào phúng đã biến các nhân vật trở nên vô cùng lỗ bịch, hài hước. Thế giới nhân vật trong đoạn trích hiện lên một cách sinh động với sự giả dối và thói đạo đức giả. Ng - ời kể chuyện có một giọng điệu rất lạnh lùng, khách quan, đan xen những câu bình luận dí dỏm nh - ng chua chát..từ cách miêu tả đến cách đặt tên các đồ vật, lối so sánh ví von, cách tạo giọng văn.

Tác giả đặc biệt chú ý miêu tả các chi tiết hài hước, dùng những câu văn miêu tả đầy tính châm biếm để đả kích, bóc trần bộ mặt đạo đức giả của đám con cháu đại bất hiếu, những kẻ đi đi - a đám vô tình.

Kết hợp tả toàn cảnh và cận cảnh khi miêu tả đám tang giúp ng - ời đọc có thể hình dung rõ ràng và cảm nhận đi - ợc bầu không khí nhốn nháo, pha tạp của đám tang. Mỗi khi đang say s - a miêu tả về những cuộc trò chuyện của kẻ đi - a tang, tác giả nh - chột búng tỉnh mà nhắc nhở *đám cứ đi*. D - ồng nh - đám tang và những ng - ời đi đi - a chẳng liên quan gì đến nhau. Từ đó tác giả vạch trần thói đạo đức giả của bọn đi - a đám.

Nhà văn đã xây dựng thành công các bức chân dung biếm họa bằng biện pháp phóng đại c - ờng điệu. Đó là tên ma cà bông vô học d - ối hình thức một đốc tờ, một đám con cháu chỉ hiểu, những kẻ vô tâm học đòi.

2.Nội dung

Qua đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia*, tác giả đã tập trung phê phán thói đạo đức giả của một lớp ng - ời trong xã hội VN những năm đầu thế kỷ XX. Đó là thói háms danh, háms lợi, hợm hĩnh,...Từ đầu đến cuối tác phẩm là tiếng c - ời châm biếm, chế giễu rất cay độc của nhà văn đối với những kẻ học đòi một cách vô học.

CHÍ PHÈO – Nam Cao

I/ Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Nam Cao (1917 - 1951) tên thật là Trần Hữu Tri, sinh ra trong một gia đình nông dân làng Đại Hoàng, thuộc tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân, (nay thuộc xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam). Làng Đại Hoàng nằm trong vùng đồng chiêm trũng, nông dân khi x - a quanh năm nghèo đói, lại bị bọn c - ờng hào ức hiếp, đục khoét tàn tệ. Nam Cao là ng - ời duy nhất trong gia đình đi - ợc ăn học tử tế. Cuộc sống của ông cũng khá lận đận. Tr - ớc năm 1943, Nam Cao sống cuộc sống của một trí thức tiểu t - sản nghèo, khi là anh giáo khổ tr - ờng t - , khi là nhà văn sống lay lắt bằng ngòi bút. Cuộc sống khốn khó và bế tắc mà hàng ngày đi - ợc chứng kiến và trải qua đã là những chất liệu hiện thực quan trọng để Nam Cao viết nên những tác phẩm có giá trị hiện thực và t - t - ờng nhân đạo sâu sắc. Từ 1943, Nam Cao tham gia nhóm Văn hoá cứu quốc do Đảng Cộng sản tổ chức và lãnh đạo. Từ đó ông tích cực tham gia cách mạng. Với tâm huyết và tài năng của một nhà văn chân chính, luôn có trách nhiệm với ngòi bút của mình, nhà văn đã để lại những tác phẩm có giá trị cho văn học Việt Nam.

2. Tác phẩm

Tr - ớc Cách mạng, sáng tác của Nam Cao tập trung khai thác đề tài đời sống ng - ời nông dân và

trí thức tiểu tư sản nghèo. Trong đó, nhà văn chú ý đến tấn bi kịch tinh thần của con người. Với giọng văn lạnh và sắc, Nam Cao đã lách sâu vào nỗi đau ẩn chứa trong sâu thẳm tâm hồn những số phận nhỏ bé trong xã hội cũ để cảm thông, để khẳng định những giá trị đẹp đẽ và lên án những thế lực đã tàn phá những phẩm chất đẹp đẽ trong con người. *Chí Phèo* là tác phẩm thực hiện xuất sắc mục đích nghệ thuật rất nhân bản ấy.

Nhân vật Chí Phèo thể hiện tấn bi kịch tinh thần lớn nhất của con người, đó là bị kịch bị tha hoá. Những thế lực tàn bạo đã tước đoạt của người nông dân chất phác hiền lành những khát vọng và ước mơ về một cuộc sống lương thiện, biến họ thành kẻ lười biếng. Và khi lương tâm thức tỉnh, họ đã phải tự kết thúc đời mình khi nhận ra rằng mình không còn còn đứng trở về với cuộc sống lương thiện. Giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo của tác phẩm đều được tập trung ở nhân vật Chí Phèo. Tác phẩm phản ánh hai mâu thuẫn gay gắt và tiêu biểu nhất trong xã hội nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám : mâu thuẫn giữa giai cấp thống trị với nhau và mâu thuẫn giữa bọn cường hào ác bá với người nông dân. Các nhân vật trong truyện đều đạt đến trình độ điển hình.

II/ Đọc-hiểu văn bản

1. Giá trị tố cáo hiện thực – nhân vật bá Kiến:

* Nhân vật tiêu biểu cho giai cấp thống trị là bá Kiến được Nam Cao vạch trần bộ mặt tàn ác, xấu xa của hắn. Đây là một tên cường hào ác ôn trong “nghề” thống trị dân đen, được khắc hoạ qua những chi tiết ngoại hình thật độc đáo, từ giọng quát rất sang, lối nói ngọt nhạt đến cái cười Tào Tháo. Bằng cách để nhân vật độc thoại, tự phơi ra những tính toán, thủ đoạn, âm mưu thâm độc trong việc đàn áp, thống trị tầng lớp nông dân, tác giả đã lột trần bản chất gian hùng của bá Kiến : mềm nắn rắn buông, sợ kẻ cổ cùng liều thân, bám thắt có tóc, một người khôn ngoan thì chỉ bóp đến nửa chừng, ngấm ngấm đẩy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đền ơn... Bản chất gian hùng ấy của bá Kiến tập trung đầy đủ trong cái cách đối xử của hắn với Chí Phèo.

* Trước hết, Chí Phèo là một sản phẩm của tình trạng áp bức bóc lột ở nông thôn nước ta trước Cách mạng tháng Tám 1945. Đó là hiện tượng người lao động lương thiện bị đẩy vào con đường lưu manh dần dần bị tha hoá. Vì hờn ghen vợ vẫn. Lí Kiến đẩy anh canh điền vào nhà tù. Nhà tù thực dân đã tiếp tay lão cường hào thâm độc để giết anh chết phần “người” trong con người Chí Phèo, biến Chí thành Phèo, biến người nông dân lương thiện thành quỷ dữ. Chi tiết kết thúc tác phẩm đầy ngụ ý, biết đâu lại chẳng có một “Chí Phèo con” bước từ cái lò gạch cũ vào đời để “nổi nghiệp bố” Hiện tượng Chí Phèo chưa thể hết khi xã hội tàn bạo vẫn không cho con người được sống hiền lành, tử tế, vẫn còn những người dân lương thiện bị đẩy vào con đường lưu manh, tội lỗi. Sức mạnh phê phán, ý nghĩa điển hình của hình tượng Chí Phèo chính là vạch ra được cái quy luật tàn bạo, bị tha hoá trong cái xã hội tối tăm của nông thôn nước ta thời đó.

2. Giá trị nhân đạo – nhân vật Chí Phèo

* Nam Cao đã cho thấy tất cả nỗi thống khổ ghê gớm của nhân vật Chí Phèo. Nỗi thống khổ đó không phải là không nhà không cửa, không cha không mẹ, không họ hàng thân thích... mà chính là Chí Phèo bị xã hội vằm nát cả một mặt người, cướp đi linh hồn người, phải sống kiếp sống tối tăm của con vật lạ. Đó chính là nỗi thống khổ của cá thể sinh ra là người nhưng lại không được làm người và bị xã hội từ chối, xua đuổi. Tình trạng bị tha hoá này được tác giả minh chứng trong đoạn mở đầu giới thiệu một chân dung, một tính cách “hấp dẫn”, vừa hé cho thấy một số phận bi đát. Dù say rượu đến điên khùng, Chí Phèo vẫn như cảm nhận thấm thía “nông nổi” khốn khổ của thân phận mình. Anh chờ trời, chờ đời rồi chuyển sang chờ tất cả làng Vũ Đại, cuối cùng anh chờ

thằng cha con mẹ nào đẻ ra cái thằng Chí Phèo. Không ai chữ lại anh vì rất đơn giản là không ai coi anh như con người.

* Nam Cao có vài cái nhìn đầy chiều sâu nhân đạo khi đi vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định bản chất lương thiện của những con người khốn khổ. Chí Phèo đến với thị Nở trong một đêm trăng say rượu. Như điều kì diệu là thị Nở không phải chỉ khơi dậy bản năng ở gã đàn ông say, mà lòng yêu thương mộc mạc chân thành, sự chăm sóc giản dị của người đàn bà khốn khổ ấy đã làm thức tỉnh Chí Phèo. Trong tâm hồn tưởng chừng như chai đá thậm chí bị huỷ hoại của Chí Phèo, phần bản chất lương thiện ngày thường bị lấp đi vẫn le lói một ánh sáng lương tri, sẽ bùng sáng lên lúc gặp cơ hội. Lúc được thị Nở chăm sóc, Chí Phèo thật sự ngạc nhiên vì xưa nay, nào có thấy ai tự nhiên cho cái gì, mà hắn phải dọa nạt hay là giật cướp mới có được. Lần đầu tiên khi tỉnh giấc, anh bàng hoàng nghe tiếng chim hót (...) tiếng cười nói của những người đi chợ, thì niềm ao ước có một gia đình nho nhỏ trời dậy trong lòng anh. Nam Cao viết : “... hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù ? (...) Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hoà với mọi người biết bao!”

* Còn thị Nở, một người phụ nữ bị người làng xa lánh như tránh một con vật nào rất độc, khi được yêu thương thì tình yêu làm cho có duyên, chị biết lườm, biết thẹn thùng, tiếng “vợ chồng” thấy ngượng ngùng mà thính thích. Nam Cao tự hỏi : “Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chăng?”

* Với một tình cảm nhân đạo sâu sắc, Nam Cao đã phát hiện phần sâu kín đang âm ỉ cháy trong tâm hồn của kẻ bị tha hoá là Chí Phèo, của kẻ u mê là thị Nở : họ luôn tha thiết mong được thương yêu, được cảm thông và được sống hoà nhập với mọi người.

* Nhưng con đường trở lại làm người lương thiện vừa mở ra trước mắt Chí Phèo bị chặn đứng lại. Bà cô của thị Nở dứt khoát không cho cháu bà đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ. Bà ta cũng giống như mọi người, quen coi Chí Phèo là “con quỷ dữ” từ lâu rồi. Thế là Chí Phèo bị rơi vào một bi kịch tâm hồn đau đớn, bi kịch của con người không được nhận làm người. Ngay trong phút giây tuyệt vọng đó, anh xách dao đến nhà Bá Kiến, không chỉ vì say mà chủ yếu vì lòng căm thù vẫn âm ỉ lâu nay trong đầu óc u tối của anh giờ đây đã bùng lên. Những lời lẽ cuối cùng của Chí Phèo bộc lộ tất cả bi kịch nội tâm đau đớn đó : “Tao muốn làm người lương thiện (...) Không được ! Ai cho tao lương thiện ? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện được nữa. Biết không !”. Sau khi đâm chết Bá Kiến, Chí Phèo chỉ còn một cách là tự sát. Thế là trước đây, để bám lấy sự sống, Chí Phèo đã từ bỏ nhân phẩm, bán linh hồn cho quỷ; giờ đây ý thức về nhân phẩm thức dậy, linh hồn đã trở về, Chí Phèo lại phải tự huỷ diệt cuộc sống của mình. Chí Phèo là một tác phẩm xuất sắc, thể hiện nghệ thuật viết truyện độc đáo của Nam Cao.

3. Giá trị nghệ thuật

* Trước hết là cách xây dựng nhân vật điển hình. Bá Kiến, Chí Phèo vừa tiêu biểu cho những loại người có bề dày trong xã hội, vừa là những cá tính độc đáo và có sức sống mạnh mẽ. Tâm lí nhân vật được miêu tả thật tinh tế sắc sảo, tác giả có khả năng đi sâu vào nội tâm để diễn tả những diễn biến tâm lí phức tạp của nhân vật.

* Cách dẫn dắt tình tiết toàn truyện thật linh hoạt, không theo trật tự thời gian mà vẫn rành mạch, chặt chẽ, lôi cuốn : cảnh Chí Phèo trở về làng, lai lịch Chí Phèo, cảnh Chí Phèo gây sự, nằm vạ ở nhà Bá Kiến, từ tên cường hào bá Kiến dẫn tới các tên sùng sỏ khác ở làng Vũ Đại, rồi Chí Phèo biến thành tay chân đắc lực cho Bá Kiến, bị tha hoá...

- * Ngôn ngữ thật tự nhiên sống động, khẩu ngữ được sử dụng nhuần nhị, mang hơi thở của đời sống. Ngôn ngữ kể chuyện vừa là ngôn ngữ tác giả, có khi vừa là ngôn ngữ nhân vật.
- * Giọng văn biến hoá, không đơn điệu. tác giả như nhập vai vào từng nhân vật, chuyển từ vai này sang vai khác một cách linh hoạt, tự nhiên.- Tác phẩm Chí Phèo mang giá trị nhân đạo sâu sắc, thể hiện tấm lòng yêu thương, trân trọng của Nam Cao đối với những người khốn khổ.- Chí Phèo còn là tiếng kêu cứu thiết tha của những người bất hạnh. Hãy bảo vệ và đấu tranh cho quyền được làm người của những con người kưng thiện. Họ phải được sống và sống hạnh phúc, không còn những thế lực đen tối của xã hội đẩy họ vào chỗ cùng khổ, bế tắc, đầy bi kịch xót xa...

VĨNH BIỆT CỬU TRÙNG ĐÀI – Nguyễn Huy Tưởng

I/ Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Nguyễn Huy Tưởng (1912 - 1960) là một nhà văn, nhà viết kịch tài năng. Ông sinh ra trong một gia đình nhà nho khá giả có tinh thần yêu nước ở làng Dục Tú, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh, Hà Nội). Ông tham gia cách mạng rất sớm, gia nhập tổ chức Văn hoá cứu quốc và sáng tác văn học phục vụ cách mạng. Ông đặc biệt thành công với đề tài lịch sử ở cả hai thể loại tiểu thuyết và kịch.

2. Tác phẩm

Vở kịch gồm năm hồi, viết về một sự kiện xảy ra ở Thăng Long khoảng năm 1516 - 1517.

Nhân vật chính của vở kịch là Vũ Nh- Tô, là một nhà kiến trúc tài giỏi, một nghệ sĩ có chí lớn, tính tình cương trực, trọng nghĩa khinh tài. Lê T- ơng Dực, một hôn quân bạo chúa, sai Vũ Nh- Tô xây dựng Cửu Trùng Đài để làm nơi ăn chơi với đám cung nữ. Vũ đã từ chối dù bị đe dọa kết tội tử hình. Song Đan Thiềm, một cung nữ tài sắc nh- ng đã bị ruồng bỏ, đã khuyên Vũ nên nhận lời xây dựng Cửu Trùng Đài vì đây là cơ hội để Vũ đem tài ra phục vụ đất nước, “Ông cứ xây lấy một toà đài cao cả. Vua Hồng Thuận và lũ cung nữ kia rồi mất đi, nh- ng sự nghiệp của ông còn lại về muôn đời. Dân ta nghìn thu đ- ọc hãnh diện...”. Vũ đã nhận lời và dồn hết sức xây Cửu Trùng Đài. Nh- ng Cửu Trùng Đài đã làm cho dân chúng thêm cực khổ. Họ đã nổi dậy. Vũ Nh- Tô bị giết, Cửu Trùng Đài bị thiêu trụi.

Đoạn trích thuộc hồi V của vở kịch, cảnh diễn ra trong cung cấm. Việc xây dựng Cửu Trùng Đài đã khiến cho nhân dân vô cùng cực khổ. Trịnh Duy Sản đã lợi dụng tình hình dấy binh nổi loạn. Nhân dân, binh lính và thợ xây dựng Cửu Trùng Đài đã nổi dậy. Chúng bắt giết Vũ Nh- Tô, Đan Thiềm và huỷ diệt Cửu Trùng Đài.

II/ Phân tích

Mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống là một vấn đề rất phức tạp. Nghệ thuật và cuộc sống không thể tách rời nhau là điều đương nhiên nh- ng chúng quan hệ với nhau nh- thế nào là điều đ- ọc nhiều người quan tâm. Cuộc tranh luận giữa hai trường phái “Nghệ thuật vị nghệ thuật” và “Nghệ thuật vị nhân sinh” là cố gắng của các nhà nghiên cứu để xác định mối quan hệ này. Các nhà văn Việt Nam sau này cũng vẫn cố gắng không ngừng để lí giải quan niệm của mình. Với kịch *Vũ Nh- Tô*, một mặt nào đấy cũng là cố gắng và quan niệm của Nguyễn Huy Tưởng về quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.

Vũ Nh- Tô là một vở bi kịch. Nhân vật chính là một người nghệ sĩ đầy tài năng và tâm huyết với khát vọng sáng tạo nghệ thuật rất lớn và chân chính. Tác phẩm đã đặt ra vấn đề lớn, đó là

mâu thuẫn giữa quan niệm nghệ thuật thuần túy của muôn đời và lợi ích thiết thực của nhân dân. Vũ Nh- Tô là một tài năng nh- ng chính vì không giải quyết đ- ợc mâu thuẫn giữa nghệ thuật và cuộc sống mà ông đã thất bại.

Đoạn trích tái hiện cuộc nổi dậy của binh lính và dân chúng d- ới sự cầm đầu của Lê Duy Sản. Vũ Nh- Tô xây Cửu Trùng Đài theo lời khuyên của Đan Thiềm với mục đích xây dựng cho đất n- ớc một công trình nghệ thuật. Đó là mục đích nghệ thuật của ng- ời nghệ sĩ. Còn điều mà nhân dân và binh lính trông thấy ngay tr- ớc mắt là Vũ Nh- Tô đang dùng công sức và x- ơng máu của nhân dân để phục vụ mục đích ăn chơi sa đoạ của tên hôn quân Lê T- ơng Dực.

Chỉ là một trích đoạn nh- ng đoạn kịch này cũng có kết cấu nh- một vở kịch : có thắt nút (mâu thuẫn), xung đột, cao trào và mở nút. Với cả vở kịch, đoạn trích này là phần cao trào, rồi giải quyết mâu thuẫn lớn nhất của cả vở kịch.

Cuộc đối thoại giữa Đan Thiềm và Vũ Nh- Tô ở lớp I của hồi kịch cho thấy Vũ Nh- Tô là một ng- ời nghệ sĩ chỉ chú ý đến nghệ thuật. Trông coi việc xây Cửu Trùng Đài mà ông không biết rằng tác phẩm nghệ thuật của ông đã gây ra bao nhiêu lầm than cực khổ cho dân chúng. Mục đích nghệ thuật của ông mâu thuẫn với quyền lợi thiết thực của dân chúng mà ông lại không nhận ra. Ông là ng- ời nghệ sĩ quá quan tâm đến nghệ thuật mà quên đi quan hệ của nghệ thuật với đời sống. Vì thế ông không thể hiểu điều Đan Thiềm nói. Vũ Nh- Tô thù chết với Cửu Trùng Đài chứ không chịu chạy trốn. Đây cũng chính là phần thắt nút của đoạn kịch.

Cuộc nổi loạn của binh lính, thợ thuyền là tất yếu. Với họ, Cửu Trùng Đài đơn giản là nguyên nhân gây nên lầm than cực khổ, là biểu hiện của sự ăn chơi sa đoạ của tên hôn quân. Giữa Vũ Nh- Tô, ng- ời nghệ sĩ có mục đích nghệ thuật tốt đẹp và nhân dân lao động đã không có tiếng nói chung bởi ng- ời nghệ sĩ nh- ông Vũ không hiểu và không giải quyết đ- ợc mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống.

Cao trào của hồi kịch đ- ợc tập trung ở ba lớp kịch cuối cùng, đó là cuộc đối đầu giữa Vũ Nh- Tô và những ng- ời nổi dậy. Đan Thiềm và Nh- Tô là hai ng- ời tri âm, tri kỉ, cùng có một mục đích nghệ thuật tốt đẹp nh- ng cuối cùng đều thất bại. Và cả Cửu Trùng Đài, tâm huyết của hai ng- ời cũng bị phá huỷ.

Đoạn đối thoại giữa Vũ và Ngô Hạch cùng đám quân sĩ thể hiện cao trào của mâu thuẫn. Giữa họ không có tiếng nói chung. Sự thất bại của Vũ Nh- Tô đã nói lên một điều rằng, khi nghệ thuật mâu thuẫn với cuộc sống, nghệ thuật khó tồn tại. Đồng thời, thái độ của binh lính đối với Cửu Trùng Đài còn thể hiện những trăn trở của chính Nguyễn Huy T- ơng về nghệ thuật, về văn hoá dân tộc. Không thể trách những ng- ời nổi dậy bởi hành động đập phá của họ. Hành động đó là tất yếu. Nh- ng nó vẫn gợi sự xót xa, tiếc nuối cho ng- ời đọc. Việc đốt Cửu Trùng Đài với đám binh sĩ chỉ là một hành động trả thù bởi với họ Cửu Trùng Đài là nguyên nhân của mọi nỗi khổ cực. Họ không hiểu gì về ý nghĩa lớn lao của công trình kiến trúc này. Với Vũ Nh- Tô, Cửu Trùng Đài là tất cả.

Đoạn trích có đủ các yếu tố của một vở kịch : biến cố, xung đột và giải quyết xung đột. Không khí, nhịp điệu của sự việc đ- ợc diễn tả theo chiều tăng tiến mức độ dồn dập đã thể hiện đ- ợc tính chất gay gắt của mâu thuẫn và dẫn đẩy xung đột kịch lên cao trào. Cửu Trùng Đài và Vũ Nh- Tô là cái nút của mâu thuẫn. Xung đột đã đ- ợc giải quyết bằng sự ra đi vĩnh viễn của cả hai.

Đan Thiềm và Vũ Nh- Tô vừa đáng khen vừa đáng trách. Đáng khen bởi họ là những ng- ời nghệ sĩ biết tôn trọng tài năng và yêu nghệ thuật. Họ là những ng- ời có khát vọng cao quý, đó là xây dựng cho đất n- ớc một công trình nghệ thuật lớn. Nh- ng họ cũng đáng trách bởi vì khi quan tâm đến nghệ thuật họ đã quên trách nhiệm đối với nhân dân. Nghệ thuật là kết quả của lao động nghệ thuật nh- ng nghệ thuật không thể là nguyên nhân của lầm than, không thể đ- ợc xây dựng bởi máu và n- ớc mắt của ng- ời lao động.

Với đoạn trích này, Nguyễn Huy T- ởng đã giải quyết mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống. Nghệ thuật đích thực phải thống nhất với quyền lợi của con ng- ời. Nghệ thuật chân chính là nghệ thuật vì con ng- ời. Ng- ời nghệ sĩ khi làm nghệ thuật phải chú ý đến điều đó.

Nam Cao từng nói : “Nghệ thuật chỉ có thể là tiếng đau khổ kia thoát ra từ những kiếp lầm than” để khẳng định nghệ thuật phải xuất phát từ cuộc sống và vì cuộc sống. Về một ph- ơng diện nào đó, với kịch *Vũ Nh- ư Tô*, nhà văn Nguyễn Huy T- ởng đã thể hiện sự nhất trí với quan niệm của Nam Cao.

VỘI VÀNG –Xuân Diệu

I/ Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Xuân Diệu (1916 – 1985) tên đầy đủ là Ngô Xuân Diệu. Cha ông là thầy đồ xứ Nghệ (quê ở Can Lộc, Hà Tĩnh), mẹ ông quê Bình Định. Xuân Diệu đ- ọc thừa h- ởng sự uyên thâm, cần cù của nhà nho ở ng- ời cha ; là trí thức Tây học, ông đ- ọc hấp thụ những tinh hoa văn hoá ph- ơng Tây. Vì thế, thơ ca Xuân Diệu là sự kết hợp hài hoà hai yếu tố Đông Tây, trong đó yếu tố Tây học đ- ọc tiếp thu trong nhà tr- ờng chính thức có ảnh h- ởng đậm hơn. Sau một thời gian làm công chức ở Mỹ Tho, ông thôi việc ra Hà Nội sống bằng nghề viết văn.

2. Tác phẩm

Vội vàng là bài thơ tiêu biểu nhất cho nét phong cách nổi bật trong thơ Xuân Diệu. Tác phẩm đ- ọc rút trong tập *Thơ thơ*, tập thơ xuất sắc và tiêu biểu nhất cho thơ Xuân Diệu tr- ớc Cách mạng.

Bài thơ thể hiện một tình yêu cuộc sống tha thiết, qua đó thể hiện một quan niệm nhân sinh mới mẻ ch- a từng thấy trong thơ ca truyền thống. So với thơ ca truyền thống, bài thơ mới mẻ về cả t- t- ởng và thi pháp.

Tình yêu cuộc sống tha thiết mãnh liệt đã dẫn đến quan niệm sống hết mình, sống bằng mọi giác quan. Cái cưỡng quýt vội vàng trong cách sống mà Xuân Diệu thể hiện trong bài thơ không phải là lối sống vội vàng, h- ởng thụ cá nhân, mà là sống hết mình. Có thể hiểu nội dung này theo bố cục hai phần của bài thơ :

– Phần 1 (30 câu thơ đầu) : tập trung luận giải các lí do vì sao phải vội vàng – ở đó chứa đựng một quan niệm triết học về vũ trụ, nhân sinh mới mẻ ch- a thấy trong thơ ca truyền thống. Cuộc đời t- ươi đẹp và vô hạn, thời gian của con ng- ời là hữu hạn.

– Phần 2 (đoạn thơ còn lại) : giải pháp sống. Vì cuộc sống vô cùng t- ươi đẹp nh- vậy nên phải sống thật nhiệt thành, phải hết mình, hoà mình cùng thiên nhiên, cùng cuộc đời thì mới cảm nhận hết ý nghĩa của sự sống.

Quan niệm mới mẻ của nhà thơ thể hiện ở hệ thống hình ảnh thơ mới lạ, nhiều sắc màu và tràn đầy cảm xúc. Bài thơ là tiếng ca thúc giục mọi ng- ời, nhất là những ng- ời trẻ tuổi hãy hết mình với cuộc đời, sống thật nhiều và thật có ý nghĩa.

II/ Đọc hiểu văn bản

1. Những khát khao tận h- ởng cuộc sống trần thế

Với giọng điệu thôi thúc, cảm xúc gọi nhau tuôn trào từ câu đầu đến câu cuối, *Vội vàng* lôi cuốn ng- ời đọc ngay từ những dòng đầu tiên. Bài thơ mở đầu rất đột ngột bằng một khát vọng lớn :

Tôi muốn tắt nắng đi

Cho màu đừng nhạt mất ;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho h-ong đừng bay đi.

Khát vọng đ-ợc nhấn mạnh bởi sự lặp lại cấu trúc “Tôi muốn...” trong một đoạn bốn câu thơ năm chữ. Nhịp thơ và cấu trúc ấy đã gợi về cuống quýt, vội vàng. Nội dung của ý muốn ấy lại càng độc đáo, đó là “tắt nắng” và “buộc gió”. Đó là khát vọng níu giữ những vẻ đẹp của cuộc đời. “Màu” và “h-ong” là những tinh túy của đất trời. Nhà thơ muốn níu giữ lại vẻ đẹp đó. Nh-ng “tắt nắng”, “buộc gió” là điều không thể thực hiện. Ngay những dòng thơ đầu tiên đã phảng phất sự bất lực và nuối tiếc của nhân vật trữ tình. Và cũng ngay ở đây, cái Tôi cá nhân của thi sĩ đã xuất hiện với t- thể chủ động tr-ớc cuộc đời.

Những câu thơ tiếp theo lí giải cụ thể nguyên nhân dẫn đến khát vọng có vẻ “ngông cuồng” ở những câu đầu. Bức tranh thiên nhiên t-ơi đẹp đ-ợc miêu tả sinh động và đáng yêu :

Của ong b-óm này đây tuần tháng mật,
Này đây hoa của đồng nội xanh rì,
Này đây lá của cành tơ phơ phất ;
Của yến anh này đây khúc tình si ;
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi,
Mỗi buổi sớm, thần Vui hằng gõ cửa ;
Tháng giêng ngon nh- một cặp môi gần ;

Biện pháp điệp từ lại xuất hiện. *Này đây* có tính chất nh- một lời liệt kê, một sự xác nhận về sự hiện hữu của những sự vật đ-ợc nói tới. Tất cả các sự vật ấy lại đều đang ở thì đẹp nhất, t-ơi non nhất : *tuần tháng mật, đồng nội xanh rì, cành tơ, khúc tình si...* Mùa xuân đ-ợc hiện ra bằng vẻ đẹp của tháng giêng tràn trề sức sống xuân thì và tình tứ giao hoà quấn quýt. Ong b-óm, hoa cỏ, chim muông, âm thanh và ánh sáng... hiện ra qua những hình ảnh nhân hoá đều tràn đầy hạnh phúc, t-ơi non mơn mớn, dạt dào sức sống trong một thế giới ngất ngây mộng ảo. Trong con mắt xanh non háo hức của thi nhân, ngày tháng trở thành “tuần tháng mật”, âm thanh của thiên nhiên trở thành những giai điệu vô cùng tình tứ. Ta đã từng nghe đến “khúc nhạc h-ờng”, “khúc nhạc thơm” (*Này lắng nghe em khúc nhạc thơm – Say ng-ời nh-r-ợu tối tân hôn*) và giờ đây là một “khúc tình si”. Còn ánh bình minh lại hiện lên độc đáo qua hàng mi dài của ng-ời thiếu nữ chớp mắt làm duyên – “ánh sáng chớp hàng mi”. Nhịp thơ dồn dập, điệu thơ, ý thơ không dứt đã diễn tả đ-ợc sự vui mừng, niềm khao khát đến cuống quýt của nhân vật trữ tình tr-ớc vẻ hấp dẫn của thiên nhiên. Và bức tranh thiên nhiên muôn màu muôn vẻ hiện lên đẹp và tràn đầy sức sống. Xuân Diệu đã chọn từ ngữ, hình ảnh và cách diễn đạt giàu tính hình t-ợng, gợi cảm và rất hiện đại để bộc lộ những cảm nhận tinh tế của mình về cuộc sống. Cao trào của cảm xúc đã giúp nhà thơ sáng tạo nên một hình ảnh thật đắt về vẻ đẹp của thiên nhiên :

Tháng giêng ngon nh- một cặp môi gần

Đây là một hình ảnh so sánh táo bạo và độc đáo, nó cũng thể hiện đ-ợc quan điểm thẩm mĩ hiện đại của Xuân Diệu. Quan điểm này trái ng-ợc với quan điểm của thơ ca truyền thống. Nhà thơ đã dùng vẻ đẹp của con ng-ời, thậm chí rất con ng-ời (cặp môi gần) để diễn tả vẻ đẹp của thiên nhiên. Nhà thơ đã cụ thể hoá cái khao khát của con ng-ời và vẻ đẹp của tự nhiên với từ *ngon*. Chữ *ngon* đ-ợc dùng rất tài hoa. Nhà thơ cảm nhận cái đẹp của mùa xuân không phải bằng thị giác mà bằng cả vị giác, xúc giác, bằng cả tâm hồn luôn “thức nhọn giác quan” để sáng tạo nên một hình ảnh thơ khoẻ khoắn đầy sức sống không chỉ biểu thị niềm vui say ngất ngây tr-ớc thiên nhiên mà còn thể hiện một quan điểm mĩ học mới : Con ng-ời là th-ớc đo thẩm mĩ của vũ trụ, vẻ đẹp con ng-ời

trần thế là tác phẩm kì diệu của hoá công, thế giới này đẹp nhất, mê hồn nhất là vì có con ng-ời giữa tuổi trẻ, mùa xuân, tình yêu. Tháng giêng là mùa xuân, mùa của sự đâm chồi nảy lộc, của sự hồi sinh, và đây là thời gian vạn vật sinh sôi nảy nở. Cho nên với thi sĩ, xuân luôn là thời gian đẹp nhất trong năm. Và để thể hiện điều đó, Xuân Diệu đã chọn một hình ảnh so sánh thật đắt. Bức tranh thiên nhiên ấy đã đủ cho thấy nhà thơ yêu cuộc sống đến nhường nào ! Nhà thơ viết tiếp :

Tôi sung sướng. Nh-ưng vội vàng một nửa :

Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.

Câu thơ đ-ợm màu triết lí. Sau phút giây để cảm xúc thăng hoa cùng vẻ đẹp của đất trời, xúc cảm của nhân vật trữ tình tạm lắng xuống và chuyển sang chiều h-ớng suy t-. Nhà thơ đã hình ảnh hoá triết lí ấy : không thể để những điều tốt đẹp (xuân) qua đi rồi mới thấy nuối tiếc. Tâm trạng “nắng hạ mới hoài xuân” là tâm trạng rất phổ biến của con ng-ời. Bởi thông thường, trong cuộc sống, con ng-ời thường không coi trọng những gì mình đang có, chỉ khi nó đã qua đi mới thấy nó có ý nghĩa quan trọng và lại nuối tiếc. Vậy “xuân” không chỉ là hình ảnh khái quát cho những vẻ đẹp của thiên nhiên đã đ-ọc nhà thơ nói đến ở đoạn thơ trên mà có ý nghĩa khái quát chỉ tất cả những gì mà tạo hoá ban tặng cho con ng-ời.

2. Quan niệm chạy đua với thời gian và triết lý sống gấp gấp tận h-ởng của tác giả

Mỗi bài thơ của Xuân Diệu bao giờ cũng là một mạch cảm xúc liên tục. □ thơ nọ gọi và nối với ý thơ kia bằng một mối liên kết tinh tế. Sau triết lí rất khái quát ấy là những dòng lí giải tại sao phải vội vàng :

Xuân đ-ương tới, nghĩa là xuân đ-ương qua,

Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,

Và xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.

Những câu thơ là lời bộc bạch chân thành của chủ thể trữ tình. Đoạn thơ tập trung thể hiện và lí giải quan niệm mới của nhà thơ về thời gian. Theo đó, thời gian trôi đi thì không bao giờ trở lại. Nhà thơ đặt thời gian của vũ trụ trong mối quan hệ với thời gian của đời ng-ời để giảng giải quan niệm về sự không tuần hoàn của vạn vật :

Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,

Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại !

Đúng vậy, có thể trời đất còn mãi nh-ng con ng-ời không thể sống hai lần nên sự tuần hoàn ấy là vô nghĩa. Mọi ng-ời vẫn nói, Xuân Diệu là nhà thơ của “cảm thức về thời gian” quả không sai. Nhà thơ rất nhạy cảm với những biến đổi vô hình của thời gian. Vì thế, mỗi thời khắc qua đi là một cuộc chia li đầy nuối tiếc và cảm giác mất mát tràn ngập trong tâm hồn thi sĩ. Nhạy cảm về sự mất mát đến mức cảm nhận đ-ọc cả “Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi – Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt”. Tâm trạng của con ng-ời đã thấm sang cả cảnh vật. Thiên nhiên đ-ọc nhân hoá, cũng biết hờn, biết sợ nh- con ng-ời.

Tình yêu thiết tha đối với cuộc sống đã khiến chủ thể vội vàng, cuống quýt đến gần nh- bị ám ảnh. Nó cho thấy con ng-ời ấy yêu cuộc sống và quý trọng những giây phút của cuộc đời đến nhường nào. Thái độ ấy của thi nhân thể hiện một quan điểm sống rất tích cực và tiến bộ. Vội vàng không có nghĩa là chỉ lo h-ởng thụ, là sống gấp, mà là sống hết mình, sống tốt, nghĩa là phải biết quý trọng những giây phút của cuộc đời mình để khi thời gian trôi đi không còn phải nuối tiếc quá nhiều. Nhà thơ đã cất tiếng giục giã :

Mau đi thôi ! Mùa ch-ưa ngả chiều hôm

Thời gian vẫn còn, cuộc sống vẫn luôn rất đáng yêu vì thế hãy sống bằng mọi giác quan, bằng cả trái tim và khối óc, để tận hưởng tận cuộc sống quý giá này. Khổ thơ cuối cùng đã diễn tả đặc

biệt thành công khát vọng sống đang sôi trào mạnh mẽ trong trái tim thi sĩ trẻ :

Ta muốn ôm...

Từ *Tôi muốn* đã chuyển thành *Ta muốn*, thể hiện sự tăng tiến của khát vọng. Lúc đầu còn e dè, là “tắt nắng”, “buộc gió”. Khát vọng lớn nh- ng còn trùu t- ợng và chung chung. Và d- ờng nh- chỉ mới dừng lại ở khát vọng níu giữ vẻ đẹp cuộc sống. Còn bây giờ là khát khao h- ớng thụ. Và khao khát đó trào dâng rất mãnh liệt.

3. Một cái tôi ý thức ráo riết về giá trị đời sống của một cá thể, một tâm thế sống cuồng nhiệt tích cực

Cảm xúc đó đ- ọc thể hiện ở việc chọn dùng từ, cấu trúc, biện pháp tu từ trong đoạn thơ cuối cùng :

Ta muốn ôm

Cả sự sống mới bắt đầu mơn mớn ;

Ta muốn riết mây đ□a và gió l□ợn,

Ta muốn say cánh b□ớm với tình yêu,

Ta muốn thâm trong một cái hôn nhiều

Và non n□ớc, và cây, và cỏ rạng

Cho chênh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,

Cho no nê thanh sắc của thời t□ơi ;

–Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ng□ơi !

Đoạn thơ xuất hiện hàng loạt động từ và đều là động từ mạnh cùng với những tính từ có khả năng biểu hiện cảm xúc mạnh đã bộc lộ đ- ọc trạng thái cảm xúc cao trào của nhân vật trữ tình. D- ờng nh- anh muốn hoà tan mình vào đất trời cây cỏ. Niềm khao khát sống, khao khát giao cảm với đất trời và cuộc đời đ- ọc bộc lộ mạnh mẽ nhất ở câu thơ cuối :

–Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ng□ơi !

Có lẽ chỉ có Xuân Diệu với một tình yêu cuộc sống đến cuồng nhiệt say mê mới có thể táo bạo và tạo đ- ọc sự thăng hoa cảm xúc tới mức này. Không còn là *ôm*, là *riết* nữa mà là *cắn*. Xuân Diệu đã sáng tạo cho thơ Việt Nam một hình ảnh thơ vô cùng độc đáo và đã chứng minh rằng tình yêu cuộc sống có thể đẩy cảm xúc của thi nhân đến đỉnh cao của sáng tạo.

Vội vàng là một dòng cảm xúc chân thành thể hiện tình yêu cuộc sống tha thiết của nhà thơ. Giọng điệu, hình thức câu thơ thay đổi linh hoạt với một thế giới hình ảnh đa dạng và phong phú đã tạo nên sức hấp dẫn của thi phẩm. Xuân Diệu đã sáng tạo một hình thức độc đáo để thể hiện những triết lí nhân sinh và quan niệm sống tích cực và sâu sắc. Đặt bài thơ trong không khí của Thơ mới thì mới cảm nhận đ- ọc tình yêu cuộc sống của nhà thơ mãnh liệt đến chừng nào.

Những sáng tạo của Xuân Diệu trong *Vội vàng* đã góp phần đánh dấu b- ớc phát triển mới của thơ ca Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX. Cái Tôi cá nhân vốn còn xuất hiện dè dặt trong thơ ca truyền thống, đến Xuân Diệu đã có những b- ớc đi đáng hoàng và chắc chắn lên văn đàn văn học Việt Nam.

III/ Tổng kết

1. Nội dung

Vội vàng chứa một tình yêu cuộc sống thiết tha, qua đó thể hiện một quan niệm nhân sinh mới mẻ ch- a từng thấy trong thơ ca truyền thống. Cái cống quýt vội vàng trong cách cảm , cách nghĩ mà Xuân Diệu thể hiện trong bài thơ không phải là lối sống h- ớng thụ cá nhân, mà là sống hết mình dành tất cả cho cuộc đời.

2. Nghệ thuật

Mạch cảm xúc hối hả tuôn trào nh- một dòng chảy kết hợp với mạch luận lí chặt chẽ làm nên chiều sâu của thi tứ.

Nhạc điệu say mê hối hả giục giã cùng với những hình ảnh sáng tạo độc đáo t- ới mới đã làm nên cái riêng ch- a từng có trong hồn thơ Xuân Diệu.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ - Hàn Mặc Tử

I/ Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Hàn Mặc Tử (1912 - 1940) là một trong những nhà thơ lớn của phong trào Thơ mới (1932 - 1945). Ông cũng là nhà thơ có số phận bất hạnh hiếm có. Hàn Mặc Tử là một tài năng độc đáo, một tiếng thơ lạ, thể hiện rõ tấn bi kịch của một con ng- ời bất hạnh. Mắc phải căn bệnh phong quái ác, phải sống trong sự cách li khi đang tràn trề nhựa sống đã khiến thơ ông nhiều khi nh- điên loạn với một thế giới hình ảnh thơ đầy ma quái. Thơ Hàn Mặc Tử vừa gọi cho ng- ời ta nỗi sợ hãi, vừa đem đến niềm say mê. Chế Lan Viên từng quả quyết rằng : "Tôi xin hứa hẹn với các ng- ời rằng, mai sau, những cái tầm th- ờng, mực th- ớc kia sẽ biến tan đi, và còn lại của cái thời kì này chút gì đáng kể đó là Hàn Mặc Tử. Bên cạnh thơ điên, Hàn Mặc Tử còn có những vần thơ trữ tình rất dịu dàng và duyên dáng. Trong số đó có *Đây thôn Vĩ Dạ*".

2. Tác phẩm

Bài thơ đ- ọc sáng tác khi nhà thơ đã lâm bệnh nặng và không còn cơ hội để trở lại với cuộc sống đời th- ờng. Bài thơ mang vẻ đẹp huyền ảo và trong sáng. Thực và h- hoà quyện tạo nên vẻ riêng cho cảm xúc. Bài thơ thể hiện tình yêu tha thiết của tác giả đối với xứ Huế, nơi nhà thơ đã từng có nhiều kỉ niệm ngọt ngào, đồng thời thể hiện khát khao đ- ọc sống, đ- ọc yêu. Đây cũng là những cố gắng cuối cùng của thi sĩ để níu lại trong mình những giây phút ngọt ngào của cuộc sống trần thế. Cảnh thì đẹp mà tình thì buồn là sự thể hiện đầy đủ nhất tình yêu cuộc sống của thi sĩ bất hạnh mà đầy tài năng này.

II/ Đọc-hiểu văn bản

1. Vẻ đẹp của thôn Vĩ Dạ hiện lên nh- một ph- ơng diện độc đáo của cảnh Huế

Mở đầu bài thơ là khổ thơ viết về thiên nhiên thôn Vĩ với những vẻ đẹp đầy thơ mộng qua dòng hồi t- ờng của nhà thơ. Câu thơ đầu có một khả năng gợi mở rất lớn :

Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?

Câu thơ là lời mời, lời trách hay sự nuối tiếc ? Có lẽ là cả ba. Đó là lời mời của cô gái nào đó đang trách hờn "anh" – chủ thể trữ tình của bài thơ hay câu thơ chính là sự phân thân của nhân vật trữ tình để bộc lộ tâm trạng nuối tiếc của mình vì không đ- ọc trở lại thôn Vĩ nữa. Ba câu sau đ- ọc nối với câu tr- ớc bởi nghệ thuật "vắt dòng" của câu hai. *Nhìn nắng hàng cau* là lời giải thích "sao anh không về để nhìn nắng" còn *nắng mới lên* tồn tại độc lập. Đây là lời của cô gái hay chàng trai. Lời của cô gái nh- ng bắt đầu có sự xuất hiện của nhân vật trữ tình. Cảnh và ng- ời thôn Vĩ hiện lên rõ dần. Bắt đầu là hình ảnh hàng cau – một loại cây quen thuộc trong những khu nhà v- ườn xứ Huế. Ta đã từng gặp hình ảnh hàng cau trong *Nhớ* của Hồng Nguyên :

Có nắng chiều đột kích mấy hàng cau

Đây là hàng cau trong nắng chiều còn ở *Đáy thôn Vĩ Dạ* là hình ảnh hàng cau trong nắng sớm ban mai, giữa những v-ồn m-ớt "xanh nh- ngọc" một hình ảnh trong sáng, thân thuộc đến bất ngờ. Câu thơ nh- một cái ng- ọc nhìn đầy thú vị. Nắng ban mai êm dịu xen giữa những thân cau thẳng tắp lá còn - ớt đầm s- ơng đem tạo ra cho cảnh vật một nét đẹp rất thơ mà cũng rất đời th- ờng. Khi nhớ đến thôn Vĩ, nhớ đến xứ Huế mơ mộng ng- ời ta không thể không nhắc đến những khu nhà v- ườn xinh đẹp d- ối ánh nắng mai.

V- ườn ai m- ớt quá xanh nh- ngọc

Vẻ đẹp của thôn Vĩ đã đ- ọc cảm nhận bằng nỗi nhớ của nhân vật trữ tình (tác giả) chứ không phải là của cô gái nữa. Nhân vật trữ tình đã hiện ra bằng lời trầm trồ thán phục tr- ớc vẻ đẹp của

thôn Vĩ. Chữ *m- ớt* gợi màu xanh non tơ, mềm mại đầy xuân sắc và màu "xanh nh- ngọc" là màu xanh nh- có ánh sáng từ bên trong. Ngọc vừa có màu vừa có ánh, vừa toả mát ánh sáng, vừa r- ời r- ọi sắc xanh, *m- ớt quá* là trầm trồ chứ không phải là nhận xét "quá m- ớt". Đọc thơ Hàn Mặc Tử, Hoài Thanh có nhận xét : "có những câu thơ đẹp một cách lạ lùng, đọc lên nh- r- ời vào hồn một nguồn sáng lạ". Nhận xét này thật đúng với câu thơ trên. Có lẽ những giọt s- ơng đem vẫn còn đọng trên lá và khi ánh bình minh soi xuống đã tạo cho khu v- ườn vẻ đẹp lung linh huyền ảo. Câu thơ cho thấy Hàn Mặc Tử yêu Vĩ Dạ, yêu Huế biết bao nhiêu. Ai có thể tin rằng câu thơ đầy sức sống này lại là của một thi sĩ không còn cơ hội trở lại với đời th- ờng. Ta cũng từng gặp cảnh thiên nhiên nh- thế ở thi sĩ Xuân Diệu khi anh còn trẻ và đang tràn đầy nhựa sống : “ *Đỏ trời xanh ngọc qua muôn lá*” .

Tình yêu Vĩ Dạ của thi nhân bắt nguồn từ tình yêu cuộc sống, từ tình yêu với ng- ời con gái xứ Huế. Vì vậy con ng- ời xứ Huế trong cảm nhận của nhà thơ trong khung cảnh thật gợi :

Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Câu thơ viết theo h- ớng cách điệu hoá. Cách điệu từ đ- ờng nét "lá trúc che ngang" đến hình ảnh "mặt chữ điền". Mặt chữ điền từng xuất hiện trong những câu ca dao xứ Huế :

Mặt em vuông tựa chữ điền,

Da em thì trắng, áo đen mặc ngoài.

Lòng em có đất có trời,

Có câu nhân nghĩa, có lời thủy chung.

Với biện pháp nghệ thuật cách điệu hoá, tác giả đã diễn tả đ- ọc vẻ đẹp kín đáo, dịu dàng, hoà hợp với thiên nhiên của ng- ời Vĩ Dạ. Ng- ời Huế vốn rất yêu thiên nhiên, cây cỏ là bạn với họ. Họ chăm sóc cây cối giống nh- chăm sóc con ng- ời. Và những ngôi nhà truyền thống của ng- ời Huế bao giờ cũng ẩn sau những mảnh v- ườn m- ớt xanh. Bốn câu thơ đã tạo nên một vẻ đẹp lung linh huyền diệu cho thôn Vĩ.

2. Bài thơ là nỗi niềm của một con ng- ời tha thiết yêu đời, yêu ng- ời, luôn khát khao cái đẹp, tình yêu nh- ng mang nặng một nỗi buồn đau vô vọng

Khổ thơ thứ hai có sự thay đổi về không gian và cảm xúc nh- ng vẫn là dòng hồi t- ưởng của nhân vật trữ tình, kỉ niệm lúc này tràn về mãnh liệt đến nỗi từng b- ớc của chàng trai lan toả, xen đầy cả không gian :

Gió theo lối gió mây đ- ờng mây

Dòng n- ớc buồn thiu hoa bắp lay

Mạch cảm xúc không đứt mà tạo một d- âm :

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay ?

Có lẽ cấu tứ của đoạn thơ này đ- ọc bắt nguồn từ nỗi nhớ về dòng sông H- ơng êm đềm. Cảnh vật

trong khổ thơ buồn da diết, vừa hiện thực vừa h- ảo. Nó khiến ng- ời đọc nh- vừa gặp một ảo giác, cụ thể đấy mà cũng thật mơ hồ. Gió mây th- ờng có mối quan hệ gắn bó khăng khít, "gió thổi mây bay", nh- ng ở đây gió mây lại theo hai đ- ồng, thậm chí ngăn cách nhau quyết liệt :

Gió theo lối gió mây đ- ồng mây

Gió mây ở đây không phải là hiện thực mà nó mang tâm trạng của ng- ời trong cảnh chia lìa. Nhớ Vĩ Dạ nh- ng không thể trở về nơi ấy đ- ọc nữa nên buồn và nỗi buồn đã tràn ra cảnh vật :

Dòng n- ớc buồn thiu hoa bắp lay

Trong hồi t- ưởng của nhân vật trữ tình, dòng H- ơng giang hiện lên thật buồn. Nhớ H- ơng giang lại nhớ đến những đêm trăng huyền diệu. Trăng gợi vẻ đẹp huyền ảo song trăng cũng dễ gợi sự cô đơn, lạnh lẽo :

Trăng sáng, trăng xa trăng rộng quá

Hai ng- ời nh- ng chẳng bớt cô đơn.

(Xuân Diệu)

Trăng từng xuất hiện rất nhiều trong thơ Hàn Mặc Tử với đủ hình dạng, trạng thái khác nhau :

Trăng nằm sóng xoải trên cành liễu

Đợi gió thu về để lả lơi.

Còn ánh trăng ở đây lại là một ánh trăng huyền ảo, một không gian tràn đầy trăng và thơ :

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay ?

Sáng tạo độc đáo của Hàn Mặc Tử là ở hình ảnh "sông trăng". Trăng tràn đầy không gian từ dòng sông đến cõi mộng. Hàn Mặc Tử chịu ảnh h- ưởng của tr- ờng phái thơ siêu thực và t- ượng tr- ng Pháp, có lẽ câu thơ này là kết quả của những ảnh h- ưởng đó. Hai câu thơ hay mà không thể lí giải cụ thể. Đó cũng chính là bí mật hấp dẫn của thi ca. Ai có thể chở đ- ọc ánh trăng. Câu thơ gợi lên vẻ đẹp huyền ảo của xứ Huế và thể hiện tâm hồn thơ lãng mạn của thi nhân.

Đến khổ thơ thứ ba cảnh vật không còn nữa, kỉ niệm trở về ngập hồn nhân vật trữ tình. Và lúc này những rung động của anh đối với Vĩ Dạ đã tập trung ở hình ảnh ng- ời con gái "mờ mờ nhân ảnh".

Mơ khách đ- ồng xa, khách đ- ồng xa

Áo em trắng quá nhìn không ra

Ở đây s- ơng khói mờ nhân ảnh

Ai biết tình ai có đậm đà ?

"ở đây" là ở đâu ? Dù ở đâu thì cũng đã bị bao phủ bởi s- ơng khói của thời gian. Ai là một đại từ phiếm chỉ. Một đại từ phiếm chỉ đ- ọc sử dụng hai lần trong một câu thơ, gợi lên bao ý nghĩa. Câu thơ tha thiết một khát khao, một - ớc nguyện muốn có ng- ời hiểu đ- ọc tâm sự của mình. Đồng thời thể hiện tâm trạng hoài nghi. Trong bài thơ có tới bốn lần tác giả sử dụng đại từ *ai*, và "anh" và "em" đã hoà nhập trong từ *ai* ấy, hoà nhập trong tâm t- ưởng của thi nhân. Câu thơ cuối cùng thoáng chút hoài nghi ấy xuất phát từ lòng khát khao sống, khát khao giao tiếp với cuộc đời ; xuất phát từ niềm khao khát thủy chung. V- ợt lên nỗi đau riêng, thơ Hàn Mặc Tử nói lên tâm trạng chung của bao lứa đôi xa cách.

"Thơ đi từ cái thực tới cái ảo ảnh, từ ảo ảnh đi tới cái huyền diệu, từ huyền diệu đi tới chiêm bao. Bao trùm cả bài thơ là thế giới mơ", đó là lời của Hàn Mặc Tử về thơ và có lẽ là về chính *Đây thôn Vĩ Dạ*.

III/ Tổng kết

1. Nội dung

Đáy thôn Vĩ Dạ thể hiện tình yêu tha thiết của tác giả đối với xứ Huế, nơi nhà thơ đã từng có nhiều kỷ niệm ngọt ngào, đồng thời thể hiện khát khao đ- ọc sống, đ- ọc yêu của một con ng- ời. Nhà thơ đã vẽ nên một bức tranh phong cảnh thật đẹp về thiên nhiên xứ Huế, từ đó thể hiện tình yêu và khát vọng sống mãnh liệt

2. Nghệ thuật

Hình ảnh độc đáo giàu sức gợi, giàu giá trị thẩm mỹ, ngôn ngữ ngữ cực tả luôn trong trong sáng, súc tích

Cách sử dụng xuyên suốt những câu hỏi tu từ đã tạo nên mạch cảm xúc của toàn bài

Ba khổ thơ không đ- ọc sắp xếp theo tuyến tính của thời gian và tính duy nhất của ko gian, có b- ớc nhảy cảm xúc giữa các khổ thơ tạo nên mạch liên kết đứt-nối độc đáo cho toàn bài

Nhịp điệu của bài thơ bị chi phối bởi cảm xúc ẩn chứa ở mỗi khổ thơ: có khi là nhịp điệu tha thiết đắm say, có khi là nhịp điệu chậm rãi buồn tẻ

TRÀNG GIANG – Huy Cận

I/ Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Huy Cận (1919 – 2005) tên đầy đủ là Cù Huy Cận, sinh tr- ởng trong một gia đình nhà nho nghèo, gốc làng Ân Phú, huyện H- ơng Sơn (nay là xã Đức Ân, huyện Vũ Quang), tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận là một trong những đỉnh cao của phong trào Thơ mới.

Thơ Huy Cận tr- ớc Cách mạng nổi tiếng với tập *Lửa thiêng*, tập thơ tiêu biểu cho hồn thơ Huy Cận tr- ớc Cách mạng, đó là một nỗi buồn mênh mang, da diết. Thiên nhiên trong tập thơ th- ờng bao la, hiu quạnh, tạo cảm giác cô đơn rợn ngợp. Tr- ớc vũ trụ bao la, con ng- ời thật nhỏ bé và cô đơn. Đó là tâm trạng chung của các nhà thơ mới. Tâm trạng của thế hệ thanh niên rơi vào tình trạng không tìm ra ý nghĩa cuộc đời, trong họ luôn chứa chất tâm sự thời cuộc.

Sau Cách mạng, thơ Huy Cận vui hơn, hoà cùng niềm vui chung của toàn dân tộc.

2. Tác phẩm

Bài thơ *Tràng giang* trích trong tập *Lửa thiêng*. Bài thơ là sự kết hợp hài hoà giữa vẻ đẹp thơ ca cổ điển và tâm sự thời đại.

– Vẻ đẹp cổ điển : Bức tranh thiên nhiên trời rộng, sông dài, sơn thủy hữu tình nh- ng vắng lặng đìu hiu. Cảnh vật gợi nỗi buồn, sự cô đơn, con ng- ời nhỏ bé tr- ớc thiên nhiên bao la. Bài thơ sử dụng nhiều yếu tố có tính chất t- ơng phản.

– Cảnh vật gợi nhiều tâm trạng. Tâm trạng nhân vật trữ tình là tâm trạng buồn, cô đơn, nhớ quê h- ơng. Đứng giữa quê h- ơng vẫn khắc khoải nỗi nhớ quê h- ơng là tâm trạng chung của tất cả các nhà thơ mới.

– Cô đơn và nhỏ bé tr- ớc cuộc đời nên luôn khát khao đ- ọc giao cảm với đời. Bài thơ còn gợi tả tâm sự ấy.

Bài thơ có bốn khổ, mỗi khổ nh- một bài thơ tứ tuyệt Đ- ờng thi, khổ nào cũng mênh mông sóng

n- ớc và dờn dợn một nỗi buồn sâu. Âm điệu chung của bài thơ là âm điệu buồn, cô đơn, trống vắng. Đó là nỗi buồn của cả một thế hệ các nhà thơ mới tr- ớc Cách mạng.

II/ Đọc-hiểu văn bản

1.Nội dung phân tích

Cả bốn câu thơ ở khổ 1 đều tả cảnh nh- ng mỗi cảnh lại mang một sắc thái khác nhau. ở hai câu đầu, cảnh vật đ- ọc gợi tả khá quen thuộc, bình dị, tự nó không có gì đáng buồn : sóng n- ớc, thuyền trôi... "Sóng gợn" là do gió, nh- ng khi thêm cụm từ *buồn điệp điệp* thì sóng ấy đâu còn là hình ảnh thiên nhiên mà là sóng ở trong lòng ng- ời. Con sóng có thật của *Tràng giang* vỗ vào nỗi hiu hắt, cô đơn trở thành nỗi buồn "điệp điệp". Một nỗi buồn âm thầm, da diết khôn nguôi cứ trải ra liên tiếp theo những lớp sóng nối đuôi nhau không dứt trên dòng tràng giang. Cụm từ *n- ớc song song* cũng là một cấu tứ lạ đang đối với *buồn điệp điệp* ở câu trên nh- để nhấn thêm nỗi buồn. Hình ảnh thơ gợi lên nỗi niềm của cả một thế hệ với biết bao sầu th- ơng, ảo não. Sang đến hai câu sau tình buồn bất gặp cảnh buồn với cái "sâu thăm ngả" của những chuyển động ng- ọc chiều, ng- ọc h- ớng "thuyền về, n- ớc lại" và hình ảnh nổi trôi phiêu dạt của một cảnh củi khô lạc giữa mấy dòng n- ớc. Hình ảnh cảnh củi ấy gợi lên những ám ảnh về thân phận nhỏ nhoi, phiêu dạt, lạc loài. Nhịp câu thơ trúc trắc (1 – 3 – 1 – 2) phá cách thơ thất ngôn cổ điển cùng phép đảo ngữ, t- ơng phản cũng góp phần nhấn mạnh tâm trạng của nhân vật trữ tình.

Sang đến khổ 2, tầm nhìn rộng hơn, một không gian bao la, cái nhỏ bé vẫn t- ơng phản với cái mênh mông vô cùng. Bức tranh sông n- ớc có thêm vài nét chấm phá với những thi liệu quen thuộc của bài thơ cổ : cồn cát, gió đầu hiu, thuyền – bến cô liêu... Hai từ láy *lơ thơ* và *đầu hiu* đ- ọc dùng rất nhiều rất đắt vừa có giá trị tạo hình vừa giàu khả năng biểu đạt tâm trạng, lại gợi màu sắc cổ kính, gợi hơi h- ớng cổ thi. Âm thanh tiếng chợ chiều đã vắng nơi làng xa vắng lại càng gợi buồn. Nó mơ hồ xao xác quá và gợi không khí tàn tạ, vắng vẻ. Có lẽ đây là âm thanh vọng lên từ tâm t- ơng, từ niềm khát khao của nhà thơ. Câu thơ thứ 3, thứ 4 mở rộng không gian miêu tả ra nhiều chiều với hình ảnh của nắng xuống, trời lên, sông dài, bến vắng cô liêu càng làm cho cảnh thêm buồn, tâm trạng thêm cô đơn.

Khổ thơ thứ ba, vẻ đầu hiu hoang vắng của cảnh vật đ- ọc tô đậm hơn đến mức d- ờng nh- không còn dấu vết của sự sống khiến nỗi buồn đ- ọc đẩy lên đến tột cùng với điệp từ *không*, giọng thơ nh- hệt hăng. Toàn cảnh sông dài, trời rộng tuyệt nhiên không có bóng dáng con ng- ời, "không một chuyến đò", không có lấy một cây cầu nối liền đôi bờ để có thể tạo nên sự gắn kết con ng- ời với nhau.

Khổ thơ cuối miêu tả cảnh hoàng hôn và thể hiện tâm trạng buồn nhớ quê h- ơng của con ng- ời – một kiểu tâm trạng và thi hứng rất điển hình của thi ca cổ điển. Cảnh bầu trời cao rộng êm ả lúc chiều tà đ- ọc chấm phá theo bút pháp Đ- ờng thi với hai hình ảnh "đám mây" và "cánh chim" – những thi liệu quen thuộc trong thơ ca trung đại ph- ơng Đông. Hình ảnh t- ơng phản giữa cánh chim (cánh chim đã nhỏ lại nghiêng nên càng nhỏ nhoi hơn) và bầu trời gợi cảm giác cô đơn, nhỏ bé và rợn ngợp. Không gian ấy là cái nền để nhân vật trữ tình thể hiện nỗi nhớ quê h- ơng. Nỗi nhớ mênh mang vời vợi, "dợn dợn" trải dài nh- những con sóng nối đuôi nhau chạy đến vô tận, vô cùng.

Về câu thơ đề từ (*Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài*) : Đề từ tuy nằm ngoài văn bản tác phẩm, nh- ng lại tập trung thể hiện nội dung t- t- ơng và ý đồ nghệ thuật của tác giả. Câu thơ đề từ của bài thơ này là một ví dụ tiêu biểu. Lời đề từ ngắn nh- ng đã thể hiện đ- ọc một phần quan trọng hồn cốt của tác phẩm, nói cụ thể hơn, đây chính là nỗi buồn (*bâng khuâng* là có những cảm xúc ngổ ngàng,

luyện tiếc, nhớ th-ơng đan xen nhau) tr-ớc cảnh vũ trụ bao la, bát ngát (*trời rộng, sông dài*).

2. Nghệ thuật bài thơ

Về hình thức tổ chức câu thơ và việc sử dụng lời thơ trong các cặp câu :

– *Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,*

Con thuyền xuôi mái nước song song.

– *Nắng xuống, trời lên, sâu chót vót,*

Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.

Cả hai cặp câu thơ trên, về hình thức tổ chức câu thơ cũng nh- sử dụng lời thơ, đều có sự vận dụng và phát huy một cách sáng tạo những yếu tố cổ điển Đ- ờng thi để thể hiện tâm t- của *cái tôi* thơ mới.

Cách tổ chức câu thơ tuân theo phép đối ngẫu phổ biến của thơ Đ- ờng. Chúng đều là những cặp câu đối nhau. Tuy nhiên, dạng thức mẫu mực của đối, theo quan niệm cổ điển, là phải đối nhau triệt để (đối câu, ý, chữ, âm...). □ đây, Huy Cận chỉ m- ợn nguyên tắc t- ơng xứng của đối, chứ không đẩy lên thành đối chọi. Vì thế, câu thơ tạo ra vẻ cân xứng trang trọng, mở ra đ- ọc các chiều kích vô biên của không gian, mà không gây cảm giác gò bó, nề cổ. Nghĩa là, một nét thi pháp cổ điển Đ- ờng thi đã đ- ọc cách tân để phù hợp với tâm lí hiện đại.

Cách sử dụng lời thơ cũng vậy. Có những ngôn từ đ- ọc dùng theo lối thơ Đ- ờng, cụ thể là học theo lối dùng từ láy, theo lối song song của Đỗ Phủ trong bài *Đăng cao* ở cặp câu :

Vô biên lạc mộc tiêu tiêu hạ

Bát tận tr- ờng giang cồn cồn lai.

Có lối dùng những cụm từ theo cấu trúc thành ngữ bốn tiếng, cả về âm thanh, cả về ý nghĩa : *sóng gợn tràng giang, con thuyền xuôi mái, nắng xuống trời lên, sông dài trời rộng*... Có lối tạo từ theo phong cách cổ điển : *bến cô liêu*. Có lối "lạ hoá" ngôn từ : *sâu chót vót*. *Chót vót* vốn là một từ đ- ọc dùng để diễn tả chiều cao, ở đây đ- ọc dùng để biểu đạt chiều sâu. Tr- ớc Huy Cận ch- a thấy dùng nh- thế. Điều này có vẻ vô lí. Nh- ng cái lí của việc sáng tạo này là ở chỗ : tác giả không muốn dùng tầm nhìn ở vòm trời, đỉnh trời mà xuyên sâu vào đáy đáy vũ trụ. Cái tôi ấy càng thấy bơ vơ hơn tr- ớc cái vô biên đến rợn ngợp nh- thế. Vì vậy, chiều cao đã chuyển hoá thành chiều sâu một cách thật tự nhiên.

Những hình ảnh "*Củ một cành khô lạc mấy dòng*" và "*Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa*" đ- ọc dùng thật sáng tạo, vừa gợi hình vừa gợi cảm.

Tr- ớc hết, đó là những hình ảnh nghiêng về tả thực, bằng những chi tiết sống động. Chúng giúp cho thi sĩ tái hiện diện mạo chân thực của sông n- ớc tràng giang cũng nh- cảnh không trung lúc hoàng hôn. Thủ pháp bao trùm đều là t- ơng phản: hữu hạn – vô hạn, nhỏ nhoi – lớn lao, hữu hình – vô hình. Nhờ đó, ng- ời đọc hình dung đ- ọc cảnh t- ơng một tạo vật thiên nhiên thật sinh động và sắc nét.

Cả hai hình ảnh nghệ thuật đều gợi ra thân phận bơ vơ, chìm nổi, vô định của những cá thể nhỏ nhoi giữa tạo vật thiên nhiên mênh mông hiu quạnh. Đối diện với những cá thể ấy, con ng- ời không khỏi chạnh lòng nghĩ đến thân phận mình. Nó cũng là một cá thể bơ vơ, trôi dạt trong cái vô cùng, vô tận của không gian, cái vô thủy vô chung của thời gian.

3. Kết luận chung

Tâm trạng của nhân vật trữ tình trong bài thơ là nỗi buồn non n- ớc thể hiện lòng yêu quê h- ơng đất n- ớc thầm kín của một lớp thanh niên trong chế độ cũ. Cảm hứng xuyên suốt *Tràng giang* là nỗi

buồn triền miên vô tận, là nỗi sầu nhân thế. Xuân Diệu khẳng định : "*Tràng Giang* là một bài thơ ca hát non sông đất nước ... dọn đường cho lòng yêu giang sơn Tổ quốc sau này".

Huy Cận cũng như phần đông các thi sĩ trong phong trào Thơ mới đều chịu ảnh hưởng khá rõ của thơ tượng trưng phương Tây thế kỷ XX. Tuy vậy, Huy Cận còn là người rất thích thơ Đường và trân trọng vốn thi ca dân tộc. Trong sáng tác của ông, người ta dễ dàng cảm nhận được dấu ấn Đường thi, cũng như thơ tượng trưng Pháp. Có điều đáng chú ý là chúng đã được Việt hoá một cách nhuần nhị.

TỪ ẤY – Tố Hữu

I/ Tìm hiểu chung

1. Tác giả

Tố Hữu (1920 – 2002), tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành, sinh tại Hội An, quê ở làng Phù Lai, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên – Huế. Tốt nghiệp Thành chung (cũ).

Tố Hữu là nhà thơ trữ tình chính trị. Ông, con người chính trị và con người thi sĩ thống nhất làm một. Chặng đường thơ của ông gắn liền với những chặng đường cách mạng của cả dân tộc. Mỗi tập thơ của ông đánh dấu một giai đoạn lịch sử của đất nước. Cả sự nghiệp sáng tác thơ ca của mình, ông dành trọn vẹn cho cảm hứng cách mạng vì thế thơ ông luôn sức sôi ý chí cách mạng. Chỉ đến tập thơ cuối đời, tập *Một tiếng đờn*, thơ ông mới lắng xuống với giọng điệu thâm trầm đầy trải nghiệm.

2. Tác phẩm

Từ ấy là tập thơ đầu tiên của Tố Hữu, tập hợp những sáng tác của ông từ 1937 đến 1946, thể hiện niềm say mê lí tưởng và niềm khát khao chiến đấu hi sinh cho cách mạng. Tập thơ gồm ba phần : *Máu lửa*, *Xiềng xích*, *Giải phóng*. Bài *Từ ấy* rút từ phần *Máu lửa*.

II/ Đọc-hiểu văn bản

1. Niềm vui say mê của nhân vật trữ tình khi gặp lý tưởng của Đảng

Khổ thơ đầu tiên của bài thơ diễn tả tâm trạng vui say của nhân vật trữ tình tác giả khi bắt gặp lí tưởng cộng sản :

Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ

Mặt trời chân lí chói qua tim

Hồn tôi là một vườn hoa lá

Rất đậm hương và rộn tiếng chim...

Một vấn đề chính trị, vấn đề lí tưởng sống, nhà ông đã được tác giả thể hiện bằng một hình thức “rất đời thường”. Niềm vui được thể hiện một cách tự nhiên và thành thực. “*Từ ấy*” là từ khi được giác ngộ cách mạng, được dẫn dắt vào con đường đấu tranh giải phóng dân tộc. Cùng thời với nhân vật trữ tình, những năm ba mươi ấy, khi mà cách mạng Việt Nam còn hoạt động bí mật, có rất nhiều thanh niên Việt Nam có tấm lòng yêu nước thương nòi, nhà ông họ đã không thể hoặc không có cơ hội để đến với cách mạng. Lớp thanh niên ấy đã rơi vào tâm trạng bế tắc, chán chường, người thì tìm đến với thế giới cô đơn, người lại tìm đến với thế giới tượng trưng để trốn tránh hiện thực hoặc tìm quên bằng những cách của riêng mình. Tâm trạng bế tắc của lớp thanh niên ấy được thể hiện rất rõ trong thơ mới. Nhân vật trữ tình của bài thơ may mắn hơn. Anh đã tìm ra con đường đi cho cuộc đời mình, đó là con đường chung của cả dân tộc. Để thể hiện niềm vui ấy, nhà thơ đã chọn dùng một loạt từ ngữ gợi hình và gợi cảm : *bừng* (nắng hạ), *chói* (qua tim), *rất đậm* (hương), *rộn* (tiếng chim).

Đây đều là những từ ngữ có khả năng biểu hiện trạng thái mạnh của sự vật, sự việc. Nó vừa đột ngột, vừa mạnh mẽ, vừa sôi nổi và sâu sắc. Vì thế nó thể hiện đ-ợc trạng thái cảm xúc h-ng phấn của nhân vật trữ tình. Khổ thơ nh- tiếng reo vui đầy phấn chấn. ánh sáng của cách mạng chói sáng nh- “nắng hạ”, nh- “mặt trời” soi đ- ờng cho nhân vật trữ tình. Khi đất n- ớc mất chủ quyền, nhân dân sống trong lầm than nô lệ, cả dân tộc nh- chìm trong đêm tối, mỗi ng- ời phải tự dò dẫm để tìm ra con đ- ờng sống cho mình. Cách mạng đã soi đ- ờng cho ng- ời chiến sĩ trẻ. Cách mạng không chỉ là ngọn đèn mà là “mặt trời” - nơi chân lí chói sáng. Bất gặp ánh sáng ấy, tâm hồn ng- ời thanh niên trẻ tuổi bùng dậy sức sống, nó đ-ợc ví nh- một v- ườn cây đầy sức sống. Nhịp thơ dồn dập, câu thơ nối dòng đã thể hiện thành công tâm trạng vui mừng của nhân vật trữ tình. Đó là tâm trạng lạc quan tin t- ờng vào con đ- ờng cách mạng của ng- ời thanh niên trẻ ch- a gặp thất bại và những gian khổ trên con đ- ờng hoạt động cách mạng.

Sau giây phút đầy hào hứng và vui mừng, tâm trạng nhân vật trữ tình tạm lắng xuống, suy t- hơn. Hai khổ thơ tiếp theo thể hiện nhận thức của nhân vật trữ tình về con đ- ờng cách mạng mình đã chọn. Đó là sự thức tỉnh về mối quan hệ tình cảm cách mạng, tình cảm dân tộc. Cùng thời với Tố Hữu, nh- ng khi ch- a đến đ-ợc với cách mạng, nhà thơ Chế Lan Viên viết :

Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh

Một vì sao trơ trọi cuối trời xa

Xuân Diệu thì cực đoan :

Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất

Không có chi bè bạn nổi cùng ta

Còn Huy Cận thì cảm thấy bơ vơ, nhỏ nhoi tr- ớc cảnh “sông dài, trời rộng, bến cô liêu” với tâm trạng “lòng quê dợn dợn vời con n- ớc”. Tiến bộ nh- ng- ời li khách ra đi vì chí nhớn nh- ng vẫn đ- ợm buồn và phảng phất nỗi lẻ loi đơn độc :

Li khách ! Li khách con đ- ờng nhỏ

Chí nhớn ch- a về bàn tay không...

Đó là tâm trạng của những thanh niên ch- a tìm đ-ợc vị trí của mình trong lòng dân tộc, ch- a có tình cảm cách mạng. Vẫn là một cái Tôi cá nhân -nh- ng nhân vật trữ tình trong *Từ ấy* thì khác hẳn. Anh đã ý thức rất rõ mối quan hệ tình cảm của mình với nhân dân

2. Những nhận thức về lẽ sống

Sau khi bùng nổ, phục sinh là sự đòi hỏi:

Tôi buộc lòng tôi với mọi ng- ời

Để tình trang trải với trăm nơi

Để hồn tôi với bao hồn khổ

Gần gũi nhau thêm mạnh khối đời.

Khi đ-ợc giác ngộ cách mạng, nhân vật Tôi coi nh- mình đã thuộc về dân tộc, về nhân dân. Cái Tôi ấy không còn tách rời mà hoà trong cái Ta chung của cả dân tộc để tạo nên khối đại đoàn kết, làm nên sức mạnh dân tộc. Đây là một nhận thức đúng đắn, thể hiện sự giác ngộ cách mạng sâu sắc của nhà thơ. Nhà thơ đã lựa chọn những hình ảnh và từ ngữ có khả năng biểu hiện rõ mối quan hệ tình cảm cách mạng : *buộc, trang trải, gần gũi, khối đời*. Những từ ngữ ấy đã cụ thể hoá tình cảm cách mạng vốn là những khái niệm rất trừu t- ợng.

3. Sự chuyển biến sâu sắc trong tình cảm của Tố Hữu

Quan niệm về lí t- ờng cộng sản của nhà thơ đ-ợc thể hiện rõ hơn ở khổ thơ cuối :

Tôi đã là con của vạn nhà

Là em của vạn kiếp phôi pha

*Là anh của vạn đầu em nhỏ
Không áo cơm, cù bất cù bơ*

Nhân vật trữ tình đã ý thức rõ trách nhiệm của mình đối với dân tộc khi anh dấn thân vào con đường cách mạng. Làm ng-ời cách mạng thì bản thân mình không còn là của riêng mình nữa. Ng-ời chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi đã đặt lên vai mình nhiệm vụ cách mạng cao cả. Và anh đã sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp cách mạng. Là “con”, là “em”, là “anh” của những ng-ời cùng khổ, anh đã tự nguyện gắn mình vào mối quan hệ máu thịt với họ, những ng-ời đã và đang chịu cảnh nô lệ lầm than. Và chính những con ng-ời ấy là lực lượng nòng cốt của cách mạng.

Ng-ời chiến sĩ trẻ hoàn toàn tin tưởng vào con đường mình đã chọn. Thái độ của anh đầy quyết tâm và dứt khoát. Nhà thơ đã dùng biện pháp lặp từ để biểu hiện thái độ dứt khoát của nhân vật trữ tình. Nhịp thơ mạnh cùng những từ đ-ợc lặp lại *để, là* đã thể hiện ý chí cách mạng của ng-ời chiến sĩ trẻ.

Giọng điệu nổi bật của bài thơ là giọng vui tươi, dứt khoát, hào hứng và đầy quyết tâm. Đó là giọng điệu thể hiện niềm hạnh phúc của ng-ời thanh niên đã tìm ra con đường đúng đắn của cuộc đời mình.

Từ ấy thuộc phần *Máu lửa*, phần đầu của tập thơ *Từ ấy*. Bài thơ đ-ợc sáng tác trong những ngày đầu tham gia cách mạng. Dù đã đi trên con đường cách mạng, đã nhận thức đ-ợc nhiệm vụ, trách nhiệm của ng-ời cộng sản và phần nào hình dung đ-ợc những gian khổ của cuộc đời cách mạng, nh-ng lại ch-a phải trải qua những giam cầm, đày ải và sự khắc nghiệt thực sự của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, vì vậy giọng thơ là giọng điệu lạc quan, tin tưởng và tràn đầy niềm tin hi vọng. Nh-ng cũng chính niềm lạc quan cách mạng ấy đã làm nên sức mạnh để ng-ời chiến sĩ cộng sản trẻ tuổi có đủ sức mạnh vượt qua những gian nan khổ cực của cuộc đời hoạt động cách mạng sau này.

Với *Từ ấy*, nhà thơ Tố Hữu đã mang đến cho thơ ca Việt Nam một giọng thơ mới, giọng thơ trẻ trung, đầy niềm tin cách mạng. Bài thơ đã giúp cho thế hệ sau có cơ hội hiểu rõ hơn về một thời gian khổ nh-ng đáng tự hào của dân tộc mình. Nó cũng góp phần lí giải vì sao dân tộc Việt Nam lại có đủ sức mạnh để chiến thắng những kẻ thù mạnh hơn mình nh- vậy.

III/ Tổng kết

1. Nội dung

Từ ấy thể hiện niềm hạnh phúc vô bờ của một thanh niên trẻ tuổi bắt gặp lý tưởng cách mạng, tìm ra con đường đi đúng đắn cho mình. Bài thơ là niềm say mê là khát vọng cống hiến trọn đời cho nhân dân, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nhà thơ đã đi-a ra một quan niệm sống đúng đắn, đó là quan niệm sống đúng đắn, đó là quan niệm sống vì cộng đồng, vì dân tộc

2. Nghệ thuật

Những hình ảnh thơ giàu giá trị biểu cảm, đặc biệt là việc sử dụng nghệ thuật ẩn dụ mang sắc thái thẩm mỹ cao

Cách x-ng hô *tôi* của nhân vật trữ tình làm bật lên cảm xúc chủ đạo của cả bài thơ, khẳng định một *cái tôi* nghệ sĩ tràn đầy khát vọng, mơ - ước, lý tưởng

Cách diễn đạt giản dị, tự nhiên, điệp từ *để, là* đ-ợc sử dụng sáng tạo thể hiện nhịp thơ dồn dập, thôi thúc, hăm hở. Bài thơ có giọng điệu say s-a, náo nức, đầy sáng khoái